



Sức Sống Mỗi Ngày



20<sup>22</sup>



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**

[www.vissan.com.vn](http://www.vissan.com.vn)





## MỤC LỤC

<b>1</b>	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04
	Tầm nhìn - Sứ mệnh	06
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ VISSAN</b>		
<b>2</b>	Thông tin chung	10
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
	Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	28
	Định hướng phát triển	30
	Các rủi ro	32
	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	
<b>3</b>	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
	Tổ chức và nhân sự	40
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	52
	Tình hình tài chính	54
	Cơ cấu cổ đông	57
	Báo cáo phát triển bền vững	58
	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
<b>4</b>	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	64
	Đánh giá tình hình tài chính	66
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức	68
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	71
<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>		
<b>5</b>	Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	74
	Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	74
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	75
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>		
<b>6</b>	Hoạt động của Hội đồng Quản trị	78
	Hoạt động của Ban Kiểm soát	83
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành	85
	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
<b>6</b>	Ý kiến kiểm toán	92
	Báo cáo tài chính kiểm toán	95



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV!*

Trước hết, thay mặt Hội đồng quản trị (HDQT), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác cùng toàn thể CBCNV của VISSAN lời cảm ơn chân thành nhất vì chúng ta đã cùng nhau trải qua và chia sẻ một năm 2022 nhiều thách thức, nắm bắt được những cơ hội và gặt hái nhiều thành quả ấn tượng đáng khích lệ!

Nhìn lại năm 2022, kinh tế Việt Nam đã từng bước phục hồi sau giai đoạn giãn cách xã hội do tác động của dịch bệnh. Tuy nhiên, sự hồi phục diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tình trạng bất ổn toàn cầu gia tăng liên quan đến cuộc xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine. Bên cạnh đó, chuỗi cung ứng bị gián đoạn do các biện pháp phong tỏa để kiểm soát dịch Covid-19 tại Trung Quốc cũng đã đẩy giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế tăng cao. Sức ép cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành và sự suy giảm tiêu dùng của người dân do ảnh hưởng bởi lạm phát đã gây ra tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn chung, HDQT Công ty đã chủ động nắm bắt và theo dõi sát sao những biến động của thị trường quốc tế, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, diễn biến dịch bệnh, cũng như thực tế hoạt động của Công ty. Nhờ đó, chúng tôi đã đưa ra các định hướng chỉ đạo và quyết sách phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đồng thời tận dụng mọi cơ hội phát triển có được. Qua đó, VISSAN đã vượt qua những khó khăn và gặt hái được kết quả khả quan, đáng khích lệ. Năm 2022, tổng doanh thu của công ty đạt 3.876 tỷ đồng, đạt 77,5% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cùng với đó, lợi nhuận trước thuế đạt 173,5 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch và đạt tỷ lệ hoàn thành 102,1%.

Năm 2023 đã đến trong bối cảnh kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng chậm lại, áp lực lãi suất và tỷ giá tiếp tục đặt ra thách thức lớn cho việc điều hành kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, với sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng, sự đoàn kết, nỗ lực, tinh thần trách nhiệm, sáng tạo của toàn thể CBCNV, cùng với sự thông minh và linh hoạt trong quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đề ra, tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu VISSAN uy tín, vững mạnh. Đồng thời, chúng tôi sẽ mang lại những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng và CBCNV.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng, cũng như sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV trong việc đồng hành cùng VISSAN trong hơn 5 thập kỷ đã qua. Tôi kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị, để cùng VISSAN ngày càng phát triển bền vững, đóng góp nhiều lợi ích hơn nữa cho cộng đồng và xã hội.

**Trân trọng,**

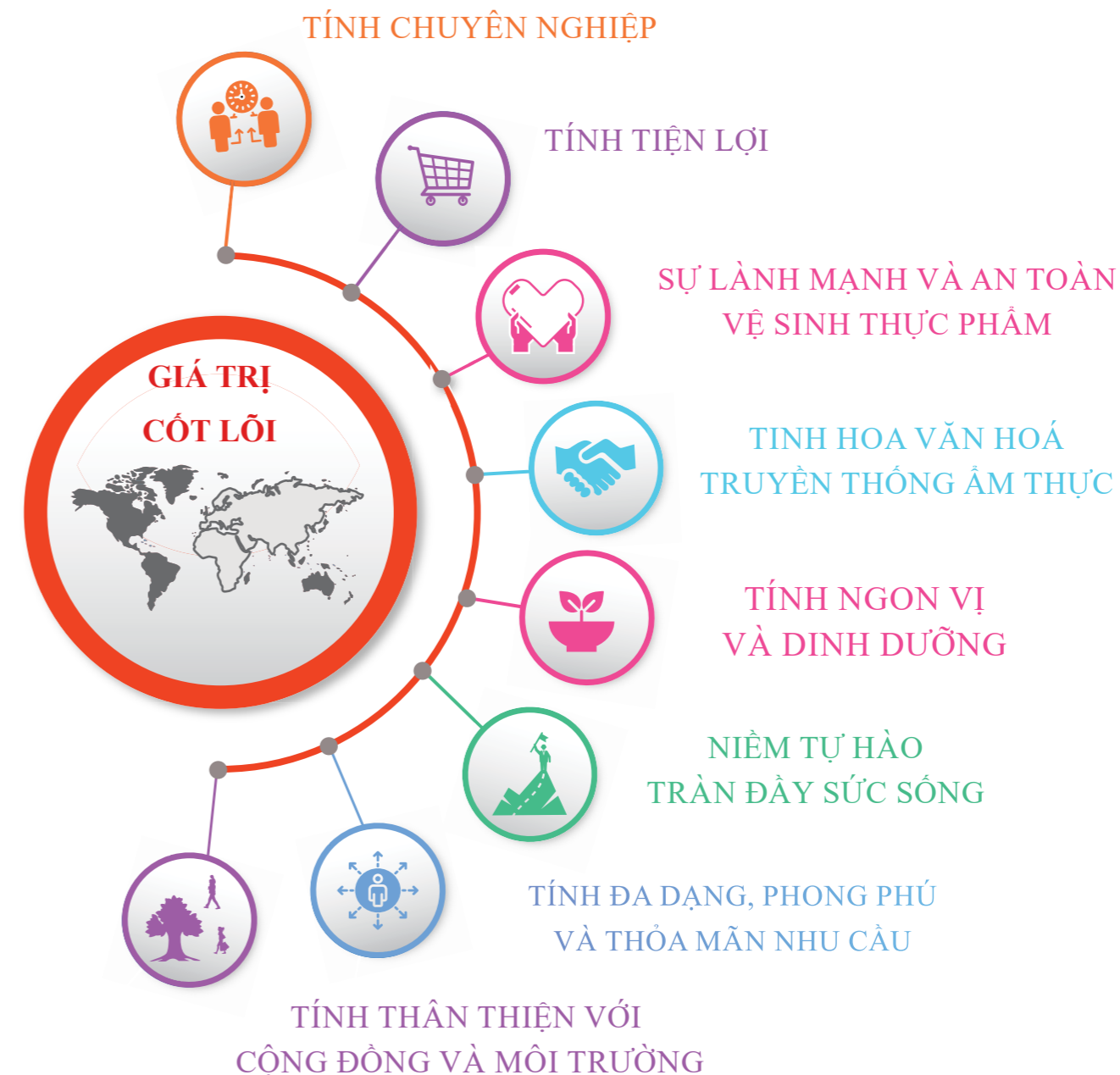
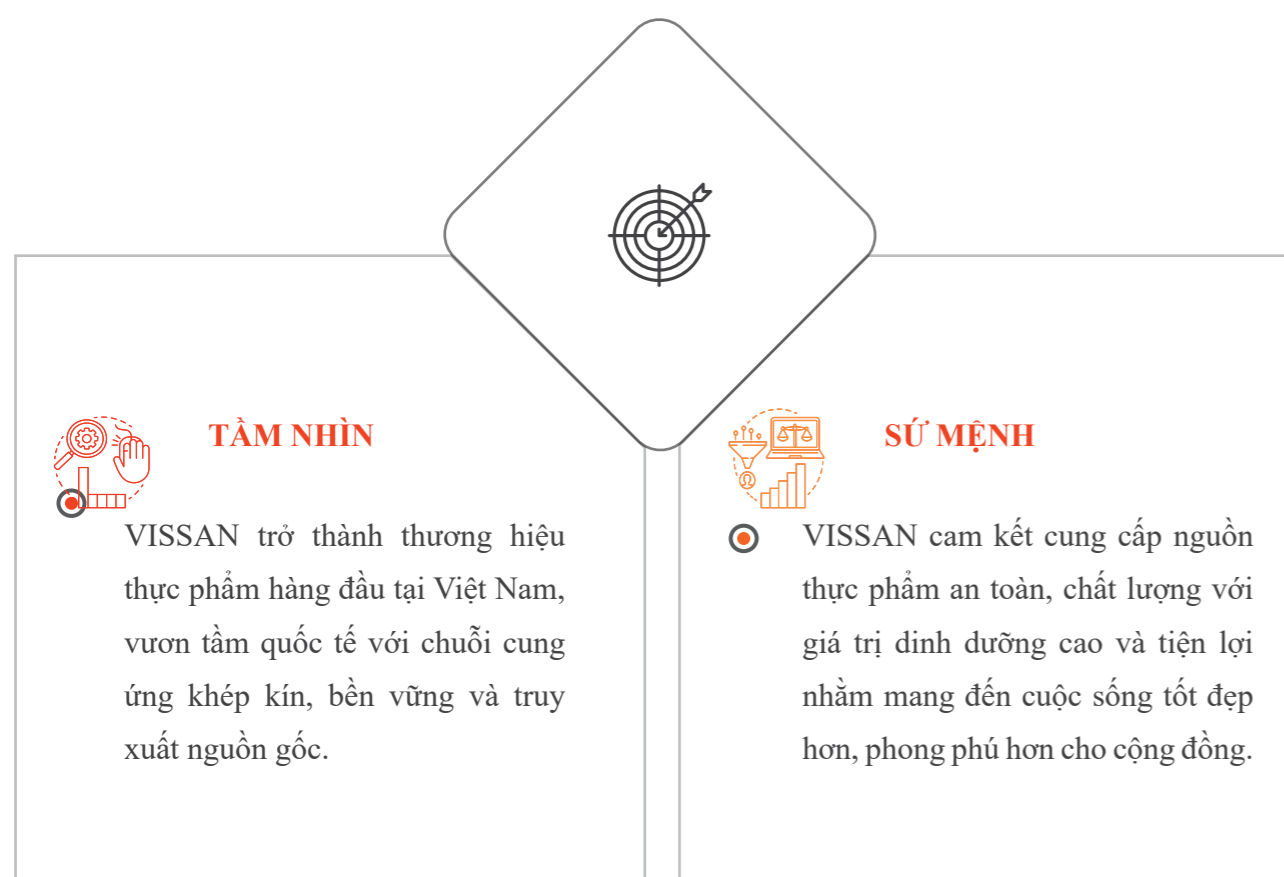
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Phúc Khoa**



*“VISSAN luôn lấy lợi ích của khách hàng làm kim chỉ nam để tạo nên các giá trị cốt lõi, sứ mệnh và phương châm hoạt động trên suốt chặng đường phát triển”*







Sức Sống Mỗi Ngày



# 1

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

- **Tên Tiếng Anh** : VISSAN JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt** : CÔNG TY VISSAN
- **Mã chứng khoán** : VSN
- **Sàn giao dịch** : UPCOM
- **Logo công ty** :



Sức Sống Mỗi Ngày



**Giấy CNĐKDN số** : Số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 04/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ** : 809.143.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu** : 809.143.000.000 đồng

**Website** : [www.vissan.com.vn](http://www.vissan.com.vn)

**Trụ sở chính** : 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

**Số điện thoại** : (028) 3553 3999 - 3553 3888

**Số fax** : (028) 3553 3939



Thành lập Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Thành lập Xí nghiệp Chế biến thực phẩm VISSAN.

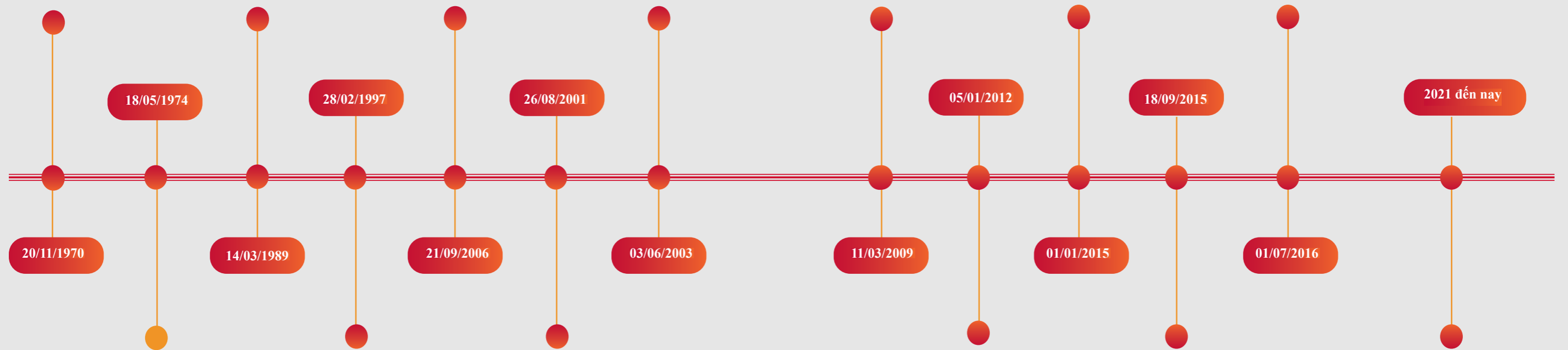
Công ty VISSAN chuyển đổi mô hình thành Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Thành lập Chi nhánh VISSAN Đà Nẵng.

Thành lập Xí nghiệp chăn nuôi VISSAN Bình Dương.

Thành lập Chi nhánh VISSAN – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng.

Công ty VISSAN chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.



Công ty VISSAN chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thành lập Xưởng chế biến thực phẩm.

Thành lập Chi nhánh VISSAN Bắc Ninh.

Thành lập Chi nhánh VISSAN Bình Dương.

Thành lập Chi nhánh VISSAN Bình Thuận.

Sản phẩm VISSAN xuất hiện ở hầu hết các sản phẩm thương mại điện tử, dịch vụ đặt hàng qua Hotline 19001960 và website bán hàng trực tuyến <http://vissanmart.com> mở rộng trên toàn quốc. Đặc biệt, VISSAN không ngừng cải tiến và cho ra nhiều sản phẩm mới thuộc các ngành hàng khác nhau như Xúc xích Sụn giòn, Giò sụn Ốt xiêm xanh, Dồi sụn giòn, Nem bò Tiêu xanh, Xúc xích Tokbokki xốt chua ngọt,...



- Danh hiệu “*Thương hiệu quốc gia giai đoạn 2022 – 2024*” do Hội đồng thương hiệu quốc gia và Bộ Công thương công nhận.



- Danh hiệu “*Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2022*” do UBND TP. HCM chứng nhận.



- 25 năm liên tục đạt “*Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2022*”



- Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam năm 2022* do Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam phối hợp với Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp và Thương hiệu thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức bình chọn.



- Danh hiệu “*Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2022*” do Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh chứng nhận.



- Top 25 Thương hiệu công ty F&B dẫn đầu năm 2022* do Tạp chí Forbes bình chọn



- **Top 10 Công ty thực phẩm Uy tín năm 2022** do Tổ chức Xếp hạng Vietnam Report tổ chức bình chọn.



- Bằng khen **“Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác từ thiện xã hội năm 2022”** do Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh trao tặng.



- **Top 10 “Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2022”** do Liên hiệp Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức bình chọn



- **Top 500 “Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam”** do Báo VietnamNet và Tổ chức Xếp hạng Vietnam Report bình chọn.



- **Top 10 “Thương hiệu tin dùng 2022”** do Tạp chí Doanh nghiệp và Thương mại bình chọn.



- Giải thưởng **“Sản phẩm công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2022”** do Sở Công Thương TP. HCM chứng nhận.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, buôn bán rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm, tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.





**ĐỊA BÀN KINH DOANH**

**THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**

Thương hiệu VISSAN đã hiện diện tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, được phân phối và bày bán tại hầu hết các hệ thống siêu thị trên cả nước, các cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại, chợ truyền thống,... Trong đó có các hệ thống siêu thị lớn nhất Việt Nam như CoopMart, SatraMart, VinMart,...

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 138 nhà phân phối, 130.000 điểm bán trên kênh truyền thống, hơn 1.000 siêu thị, cửa hàng tiện lợi và hệ thống gần 50 cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc.

**HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ONLINE**

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên những thay đổi mạnh mẽ, sâu rộng lên mọi phương diện kinh tế - xã hội, phát triển kênh phân phối “online” đã trở thành xu thế tất yếu trong hoạt động phân phối của mọi doanh nghiệp. Không nằm ngoài xu thế, bằng tinh thần đổi mới sáng tạo không ngừng, tiên phong trong mọi hoạt động, VISSAN đã và đang chú trọng phát triển hệ thống phân phối “online” với việc ra mắt dịch vụ đặt hàng qua Hotline 19001960, Fanpage, mở gian hàng thực phẩm trên sàn thương mại điện tử và chính thức ra mắt website bán hàng trực tuyến <http://vissanmart.com/>.



**63 TỈNH THÀNH**



**50 CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM**



**138 NHÀ PHÂN PHỐI**

**130.000+ ĐIỂM BÁN HÀNG**

**THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

Không chỉ phục vụ thị trường nội địa, sản phẩm của VISSAN đã và đang từng bước chinh phục quốc tế với những bước đi vững chắc: Xuất khẩu các sản phẩm chế biến đông lạnh, sản phẩm chế biến truyền thống, sản phẩm chế biến từ thịt... sang thị trường Bắc Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Đức, Nga, Lào, Campuchia,...





**THỊT HEO**

VISSAN kinh doanh đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt heo, giúp người tiêu dùng dễ dàng lựa chọn sản phẩm tươi ngon, bảo đảm chất lượng, giá cả lại phù hợp. VISSAN luôn đưa ra các tiêu chí khắt khe trong quá trình từ chăn nuôi đến giết mổ và phân phối đến người tiêu dùng, cụ thể yêu cầu:

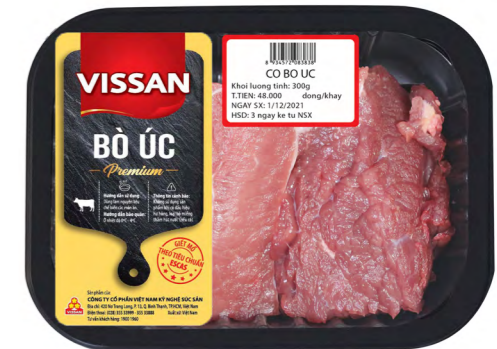
- Về nguồn nguyên liệu:** Đàn heo được lựa chọn kỹ càng từ trại chăn nuôi riêng của VISSAN và các trang trại liên kết, các trang trại đều được chứng nhận VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh... Tất cả nguồn heo thịt được đưa vào giết mổ để cung ứng thịt tươi, làm nguyên liệu chế biến đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, VISSAN đang thực hiện chuỗi cung ứng thịt heo an toàn, hệ thống phân phối đạt chuẩn VietGAP, ứng dụng giải pháp TE - FOOD nhằm truy xuất nguồn gốc từ trang trại đến bàn ăn.
- Về dây chuyền giết mổ:** Với hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, được cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy phép giết mổ theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Tới thời điểm hiện tại, dây chuyền giết mổ heo của VISSAN được xem là một trong những dây chuyền hiện đại nhất Việt Nam.
- Về hệ thống kiểm soát:** Quá trình vận chuyển heo sống từ các trại chăn nuôi về Công ty VISSAN luôn có giám sát hành trình; đảm bảo theo các quy định của ngành thú y. Tại Công ty VISSAN, nguyên liệu heo hơi đầu vào được Trại chăn nuôi thú y liên quận Phú Nhuận – Bình Thạnh thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y Thành phố HCM kiểm soát chặt chẽ. Thành phẩm đầu ra sau giết mổ được Ban Quản lý ATTP Thành phố HCM kiểm soát, đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi xuất ra thị trường. Bên cạnh công tác kiểm soát của Trại chăn nuôi thú y liên quận Phú Nhuận – Bình Thạnh và Ban Quản lý ATTP Thành phố HCM, Công ty VISSAN đã trang bị thiết bị đo đạc, phân loại chất lượng heo giúp Công ty chủ động kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu heo hơi đầu vào.



**THỊT BÒ**

VISSAN chủ yếu kinh doanh bò Úc nhập khẩu, đây là sản phẩm thịt bò chất lượng và an toàn cho sức khoẻ với các tiêu chí cao.

- Về nguồn nguyên liệu:** Đàn bò được nhập khẩu từ Úc dưới hình thức bò hơi, sau thời gian kiểm dịch đạt tất cả các tiêu chuẩn vệ sinh thú y sẽ được VISSAN nhập về để giết mổ, cung ứng thịt tươi và nguyên liệu chế biến.
- Về dây chuyền giết mổ:** Để bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế, dây chuyền của VISSAN phải được hai cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy chứng nhận ESCAS – đây là tiêu chuẩn được Chính phủ Úc đặt ra đối với các cơ sở giết mổ nhằm bảo đảm đối xử nhân đạo với gia súc từ khâu chăn nuôi, vận chuyển, lưu trữ, giết mổ. Toàn bộ quá trình giết mổ bò được giám sát qua hệ thống camera trực tuyến từ Úc. Hiện nay, VISSAN đã được cấp giấy chứng nhận ESCAS. Không chỉ tuân thủ tiêu chuẩn ESCAS, quy trình giết mổ, pha lóc và bảo quản thịt bò luôn được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Chi cục Thú y TP.HCM. Thịt bò được phân phối đến các hệ thống bán lẻ ở nhiệt độ mát nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh tốt nhất, giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm chất lượng nhất.
- Về hệ thống kiểm soát:** Bò Úc nhập về Việt Nam luôn được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nuôi nhốt đến khi giết mổ bởi Cục Thú y, Trung tâm Thú y TP.HCM và Chi cục Thú y địa phương. Để có thể truy xuất nguồn gốc, bò Úc nhập khẩu còn được kiểm soát bởi thiết bị chip điện tử gắn kèm theo mỗi cá thể bò.



Hiện VISSAN đã phát triển hơn 300 chủng loại sản phẩm chế biến đa dạng, an toàn cho sức khỏe và phù hợp với cân bằng dinh dưỡng.

**Về dây chuyền sản xuất hiện đại và khép kín:**

- Hệ thống dây chuyền sản xuất xúc xích tiết trùng với thiết bị, công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản, công suất 10.000 tấn/năm.
- Hệ thống dây chuyền sản xuất - chế biến đồ hộp, công suất 5.000 tấn/năm với thiết bị và công nghệ của châu Âu.
- Dây chuyền sản xuất – chế biến thịt nguội nhập từ Pháp và Tây Ban Nha với công suất 5.000 tấn/năm.
- Nhà máy chế biến thực phẩm đông lạnh theo truyền thống Việt Nam có công suất 5.000 tấn/năm tại TP.HCM.
- Nhà máy chế biến thực phẩm ở khu vực miền Bắc với công suất 3.000 tấn/năm tại Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.



**NHÓM HÀNG XÚC XÍCH TIẾT TRÙNG**

VISSAN mang đến đa dạng các nhóm sản phẩm theo nhiều thương hiệu riêng nhằm đa dạng hóa nhu cầu sử dụng cũng như mang đến nhiều trải nghiệm cho người tiêu dùng, gồm xúc xích VISSAN, xúc xích Ba bông mai, xúc xích Dzui Dzui. Với hương vị thơm ngon, an toàn và tiện lợi, dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng của VISSAN hiện chiếm thị phần cao và có độ bao phủ rộng khắp các tỉnh thành cả nước.



**NHÓM HÀNG GIÒ CÁC LOẠI**

Với thương hiệu lâu năm và được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn, dòng sản phẩm Giò các loại VISSAN với hương vị cổ truyền là món ăn không thể thiếu trong các bữa ăn của gia đình Việt mỗi dịp Tết đến xuân về.



**NHÓM HÀNG LẠP XƯỞNG**

Hiện sản phẩm Lạp xưởng VISSAN Mai Quế Lộ là thương hiệu uy tín và là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng bên cạnh dòng sản phẩm Lạp xưởng tôm hay Lạp xưởng tươi truyền thống được ưa chuộng mỗi dịp Lễ Tết.







**NHÓM HÀNG ĐỒ HỘP**

Với đa dạng nhiều dòng sản phẩm từ nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau từ heo, bò, gà và cá, đồ hộp VISSAN mang đến bữa ăn giàu dinh dưỡng, sự tiện dụng và tiết kiệm được thời gian chế biến. Bên cạnh đó, sự cải tiến về bao bì lon in đã mang đến diện mạo mới hiện đại và thu hút hơn khi sản phẩm đồ hộp VISSAN đến tay người tiêu dùng.



**NHÓM HÀNG CHẾ BIẾN ĐÔNG LẠNH**

Với danh mục sản phẩm đa dạng và liên tục cải tiến cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, nhóm hàng Chế Biến Đông Lạnh VISSAN mang đến bữa ăn tiện lợi nhiều dinh dưỡng và góp phần làm phong phú bữa ăn cho gia đình Việt.



**NHÓM HÀNG THỊT NGUỘI**

VISSAN mang đến đa dạng chủng loại sản phẩm jambon, thịt xông khói và xúc xích tươi mang hương vị độc đáo từ Châu Âu và được người tiêu dùng yêu thích trong các bữa tiệc bởi hương vị thơm ngon và giá trị dinh dưỡng cao



**NHÓM HÀNG GIA VỊ VÀ CHẾ BIẾN KHÔ**

Gia vị là dòng sản phẩm mới nhất mà VISSAN phát triển với sản phẩm đầu tiên là hạt nêm. Bên cạnh đó là các sản phẩm ăn liền khác như chả bông heo, chả giò ăn liền... Các sản phẩm mới được VISSAN nghiên cứu, phát triển với hàm lượng giá trị gia tăng cao, khác biệt với hương vị độc đáo và chất lượng hoàn hảo.



**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**

Mô hình quản trị công ty gồm: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

**CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Không có.

**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**





MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Với bề dày lịch sử uy tín hơn 5 thập kỷ, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN hướng đến.



Với định hướng, tiếp cận thị trường bằng chất lượng và an toàn, Công ty luôn không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty. VISSAN đã và đang nỗ lực kiến tạo nên một hệ sinh thái 3F (Feed – Farm – Food ) hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.



Bên cạnh đó, VISSAN luôn hướng đến những giá trị bền vững. Cố gắng bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Công ty với cán bộ nhân viên, cộng đồng xã hội và môi trường thiên nhiên.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

HOÀN THIỆN HỆ SINH THÁI 3F

Tầm nhìn chiến lược xuyên suốt của VISSAN là kiến tạo một hệ sinh thái nông nghiệp hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng nhất sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.

VUN ĐẮP THƯƠNG HIỆU VIỆT

Với bề dày lịch sử uy tín 50 năm, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU

VISSAN luôn nỗ lực đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, tươi ngon nhất, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn hàng đầu như VietGAP, GlobalGAP, ESCAS, HACCP...

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÔNG NGỪNG

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi căn bản, sâu sắc mọi phương diện kinh tế, xã hội. Áp lực cạnh tranh theo đó cũng trở nên mạnh mẽ, gay gắt hơn, đòi hỏi VISSAN phải không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến duy trì, phát triển nền tảng vận hành, phương thức quản trị hiệu quả, tiên tiến.

PHÁT TRIỂN VỚI TÂM NHÌN BỀN VỮNG

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình truyền thông, tăng cường quảng bá thương hiệu VISSAN thông qua các đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí,... Nhằm xây dựng niềm tin và duy trì lòng trung thành thương hiệu đối với người tiêu dùng. Chú trọng đến hoạt động khảo sát, nghiên cứu thị trường nhằm nắm bắt tình hình đối thủ cạnh tranh, mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mới, ... phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CỦNG CỐ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối là yếu tố sống còn, quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, đặc biệt trong ngành thực phẩm. Ý thức sâu sắc điều đó, VISSAN luôn chú trọng xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty.

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Quản trị là nền tảng của sự vận hành liên tục, hiệu quả của doanh nghiệp. Tại VISSAN, ban lãnh đạo luôn tập trung hoàn thiện, nâng cao mô hình, năng lực quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.





## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ



Sự phục hồi của tăng trưởng kinh tế năm 2022 là khởi đầu của chu kỳ kinh tế 4 năm 2021 – 2024 với mức nền thấp của năm 2021. Năm 2022, tăng trưởng GDP đạt 8,02%, kinh tế Việt Nam được đánh giá là điểm sáng của khu vực. Tuy nhiên, song song với đó là những biến động phức tạp về chính trị, địa chính trị ở một số khu vực trên thế giới cũng đã gây ra những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo Tổng Cục Thống kê, trong năm 2022, thịt heo xuất khẩu đạt hơn 4,427 ngàn tấn, tăng 5.9% so với năm 2021. Trong khi đó, giá thịt heo lại giảm 10.68% so với năm 2021 do dịch tả heo Châu Phi được kiểm soát và nguồn cung heo đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Tính riêng trong quý 4/2022, giá thịt heo giảm 1.59% do nguồn cung tăng trong khi sức mua thực phẩm của người dân không cao, nhiều doanh nghiệp gặp khó phải giảm quy mô sản xuất nên số lượng lao động giảm, sức tiêu thụ thịt heo của các khu công nghiệp giảm, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung nghiên cứu các đối tượng khách hàng, giới thiệu sản phẩm, khả năng và năng lực Công ty. Việc này sẽ giúp cho Công ty có những kế hoạch chủ động, linh hoạt trước các diễn biến tiêu cực có thể xảy ra trên thị trường.



### RỦI RO TỶ GIÁ



Trong năm 2021, nhằm phục hồi nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch Covid-19, các quốc gia trên thế giới phải kích cầu nền kinh tế bằng cách bơm một lượng tiền lớn ra thị trường khiến cho lạm phát tại nhiều quốc gia trong đó có nhiều nước lớn tăng mạnh khiến các quốc gia này phải thay đổi chính sách tiền tệ từ nới lỏng sang thắt chặt. Cụ thể trong năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất mục tiêu để đối phó với lạm phát, mức lãi suất trần hiện nay đã tăng từ 0,25% lên 4,5%. Sau FED, nhiều NHTW của các quốc gia lớn trên thế giới đang có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn. Cùng với đó, thị trường ngoại hối quốc tế cũng biến động mạnh theo diễn biến đã tăng giá của đồng USD đã gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá của Việt Nam, gây khó khăn cho Công ty trong việc dự báo và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Do phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu từ nước ngoài và xuất khẩu sản phẩm chế biến sang nhiều thị trường khác nhau, việc biến động của tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định, chính sách mua bán và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

Trong bối cảnh biến động khó lường của thị trường và các chính sách thắt chặt tiền tệ của các quốc gia, dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn, đặt ra một thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có các biện pháp ứng phó như theo dõi thường xuyên các biến động thị trường và lập kế hoạch kinh doanh phù hợp, đồng thời làm việc kỹ lưỡng với đối tác trong và ngoài nước để hạn chế rủi ro về tỷ giá.

### RỦI RO PHÁP LUẬT



Là Công ty Cổ phần, có cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, VISSAN phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật thương mại quốc tế,... các Nghị định, Thông tư và các văn bản luật pháp liên quan khác.

Bên cạnh khung pháp lý chung, VISSAN còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong quy trình giết mổ và chế biến thực phẩm

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.







### RỦI RO CẠNH TRANH



Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và thị trường mở rộng, các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm tại Việt Nam đang đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước. VISSAN, một công ty hàng đầu về lĩnh vực sản xuất kinh doanh thịt tươi sống, đông lạnh và thực phẩm chế biến từ thịt tại Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Trong năm, các tập đoàn lớn trong nước dần gia nhập vào ngành thực phẩm, sử dụng ưu thế về quy mô, công nghệ và tiềm lực tài chính để đầu tư và cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm đang kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, sự hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế như WTO, ASEAN, ... hay các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP,... các rào cản thương mại được xóa bỏ và ưu đãi thuế quan, điều này khiến cho sự cạnh tranh trong ngành thực phẩm ngày càng trở nên khốc liệt hơn khi các đối thủ nước ngoài trực tiếp cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, để giữ vững thị phần và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, VISSAN cần phải duy trì sự cập nhật và áp dụng công nghệ mới, nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Theo đó, VISSAN cũng đã triển khai nhiều chiến lược và chương trình khuyến mãi, marketing nhằm đảm bảo thị phần và nâng cao khả năng cạnh tranh. Điển hình là việc áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý bán hàng để tăng tốc quá trình thanh toán và tăng cường sự hài lòng của khách hàng. Ngoài ra, VISSAN cũng đầu tư, nghiên cứu và phát triển các máy móc sản xuất để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.



### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường là một trong những vấn đề trọng yếu đang được quan tâm và tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm. Nếu không thực hiện quy trình xử lý chất thải đúng cách, công ty có thể gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của mình.

Chính vì vậy, VISSAN đã chú trọng đến vấn đề môi trường và thực hiện tốt các quy định và quy chuẩn của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Công ty phân loại và xử lý chất thải theo quy trình khép kín và đạt chuẩn yêu cầu, sử dụng công nghệ hiện đại để giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường. Điều này cho thấy sự cam kết của công ty đối với bảo vệ môi trường và củng cố uy tín và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong tương lai.



### RỦI RO KHÁC

Các yếu tố không mong đợi như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai và dịch bệnh đều có thể được coi là những rủi ro tiềm ẩn đối với Công ty. Dù chúng không xảy ra thường xuyên, tuy nhiên khi xảy ra thì có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đến nhân sự và tài sản của công ty.

Vì vậy, để giảm thiểu thiệt hại khi rủi ro xảy ra, công ty đã đưa ra các phương án dự phòng cụ thể. Điều này bao gồm việc lắp đặt hệ thống báo cháy, chống cháy cùng với việc phát triển các kế hoạch khẩn cấp để đối phó với những tình huống không mong đợi. Việc thực hiện các biện pháp dự phòng này giúp công ty tránh được những thiệt hại không đáng có và giữ cho hoạt động kinh doanh luôn được duy trì ổn định.



Sức Sống Mỗi Ngày



# 2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	4.293.091	3.833.501	-10,7%
2	Giá vốn hàng bán	3.296.622	2.919.547	-11,4%
3	Lợi nhuận gộp	996.469	913.954	-8,3%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	181.818	166.825	-8,2%
5	Lợi nhuận khác	5.388	6.701	24,4%
6	Lợi nhuận trước thuế	187.206	173.525	-7,3%
7	Lợi nhuận sau thuế	149.011	137.452	-7,8%

Năm 2022, hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan: cuộc xung đột vũ trang giữa Nga - Ukraine kéo dài khiến giá xăng dầu và nguyên liệu đầu vào liên tục tăng cao; tình hình việc làm và thu nhập của người lao động chưa thể cải thiện, dẫn đến người dân thắt chặt chi tiêu và sức mua của người tiêu dùng giữ ở mức thấp. Bên cạnh đó, đối thủ cạnh tranh xuất hiện ngày càng nhiều với tiềm lực tài chính mạnh mẽ, làm cho sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành trở nên gay gắt hơn, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

Trước những khó khăn to lớn, Công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ như: đàm phán với nhà cung cấp về ổn định giá cả và đảm bảo sản lượng hương phụ liệu, bao bì đến cuối năm 2022; triển khai nhiều chương trình bán hàng và hỗ trợ bán hàng nhằm kích cầu tiêu dùng; đẩy mạnh công tác bán hàng online thông qua liên kết với các sàn thương mại điện tử; đẩy mạnh nghiên cứu và tung nhiều sản phẩm mới ra thị trường, ... nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cổ đông và người lao động.

**TỔNG DOANH THU**

Đạt **3.876** tỷ đồng

Hoàn thành **77,5%**

Kế hoạch ĐHCĐ thông qua

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Đạt **173,5** tỷ đồng

Hoàn thành **102,1%**

Kế hoạch ĐHCĐ thông qua

CHI PHÍ SẢN XUẤT, TỶ LỆ TỪNG LOẠI CHI PHÍ/DOANH THU

ĐVT: triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2021		NĂM 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	3.296.622	76,8%	2.919.547	76,2%
Chi phí tài chính	23.193	0,5%	21.425	0,6%
Chi phí bán hàng	619.471	14,4%	605.379	15,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	200.756	4,7%	156.062	4,1%
Chi phí khác	175	0,0%	194	0,0%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>4.140.217</b>	<b>96,4%</b>	<b>3.702.607</b>	<b>96,6%</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.293.091</b>	<b>-</b>	<b>3.833.501</b>	<b>-</b>

Năm 2022, hầu hết tất cả chi phí của Công ty đều giảm so với năm 2021. Với đặc thù là Công ty sản xuất, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chi phí bán hàng chiếm 15,79% trên doanh thu thuần đạt 605,8 tỷ đồng, giảm 2,3% so với năm trước. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 22,3% còn 156,1 tỷ đồng. Đây là minh chứng cho sự hiệu quả của công tác quản trị chi phí chặt chẽ, triển khai nhiều chính sách tiết kiệm chi phí trong tất cả các phòng ban của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	TH 2022/ KH 2022
1	Tổng doanh thu	3.876.132	5.000.000	77,5%
-	Doanh thu thuần	3.833.501	4.974.000	77,1%
-	Doanh thu tài chính	35.737	20.000	178,7%
-	Thu nhập khác	6.894	6.000	114,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	173.525	170.000	102,1%

So với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2022, tổng doanh thu năm 2022 đạt 3.876 tỷ đồng, thực hiện được 77,5% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 173,5 tỷ đồng, hoàn thành 102,1% kế hoạch. Mặc dù, tổng doanh thu không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận trước thuế ghi nhận được kết quả ấn tượng là do sự nỗ lực của Ban lãnh đạo trong công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ các chi phí.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 16.800.157	CN: 0 ĐD: 20,76
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	CN: 8.600 ĐD: 12.946.288	CN: 0,0106 ĐD: 16
3	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	CN: 0 ĐD: 8.091.430	CN: 0 ĐD: 10
4	Ông Trương Hồng Phong	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 8.091.430	CN: 0 ĐD: 10
5	Ông Nguyễn Quốc Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
<b>II Ban Kiểm soát</b>				
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng BKS	CN: 0 ĐD: 4.854.858	CN: 0 ĐD: 6
2	Bà Trịnh Thị Vân Anh	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 4.045.715	CN: 0 ĐD: 5
3	Bà Đỗ Thị Thu Nga	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
<b>III Ban Tổng Giám đốc</b>				
1	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	CN: 8.600 ĐD: 12.946.288	CN: 0,0106 ĐD: 16
2	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	CN: 400 ĐD: 0	CN: 0,0005 ĐD: 0
4	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	CN: 0 ĐD: 8.091.430	CN: 0 ĐD: 10
5	Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	CN: 4.200 ĐD: 0	CN: 0,0052 ĐD: 0
6	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	CN: 200 ĐD: 0	CN: 0,0002 ĐD: 0

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**NGUYỄN PHÚC KHOA**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1967

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Kinh tế;
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh;
- Kỹ sư Cơ khí;
- Kỹ sư Máy tính.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT - CTCP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang
- Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 16.800.157 CP, chiếm 20,76% VDL

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Sự kiện
03/2011 - 02/2013	Phó Giám đốc Kinh doanh, SATRA.
03/2013 - 03/2016	Giám đốc Kinh doanh, SATRA.
04/2016 - 04/2021	Phó Tổng Giám đốc, SATRA.
05/2016 - Nay	Chủ tịch HĐQT, VISSAN.
07/2016 - Nay	Chủ tịch HĐQT, CTCP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang.
04/2018 - Nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**NGUYỄN NGỌC AN**

*Phó Chủ tịch HĐQT  
kiêm Tổng Giám đốc*

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Cơ khí;
- Cử nhân Anh Văn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 8.600 cổ phiếu, chiếm 0,0106% VDL
- ĐD: 12.946.288 CP, chiếm 16% VDL

Quá trình công tác:

- **11/2006 – 04/2016**  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- **05/2016 – 03/2017**  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- **04/2017 – Nay**  
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VISSAN



**NGUYỄN QUỐC TRUNG**

*Phó Chủ tịch HĐQT*

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư;
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc CTCP Masan Meatlife;
- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP 3F Việt;
- Chủ tịch Công ty kiêm GD Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
- Chủ tịch Công ty TNHH MML Farm Nghệ An;
- Chủ tịch Công ty Meat Deli HN;
- Chủ tịch Công ty Meat Deli Sài Gòn;

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

- **2004 – 2014:** GD Kinh doanh CTCP Chăn nuôi CP Việt Nam.
- **2014 - Nay:** Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, CTCP 3F Việt.
- **12/2020 – 11/2021:** Phó TGD, CTCP Masan Meatlife.
- **12/2021 - Nay:** Tổng Giám đốc, CTCP Masan Meatlife.
- **05/2016 - Nay:** Chủ tịch Công ty kiêm GD, Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt.
- **11/2021 - Nay:** Chủ tịch Công ty, Công ty TNHH MML Farm Nghệ An; Công ty Meat Deli HN; Công ty Meat Deli Sài Gòn.
- **04/2022 – 07/2022:** Thành viên HĐQT, VISSAN.
- **07/2022 – Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN



**LÊ MINH TUẤN**

*Thành viên HĐQT  
kiêm Phó Tổng Giám đốc*

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật.
- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

- **02/2013 - 02/2018**  
Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài chính, SATRA
- **02/2018 - 06/2020**  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- **06/2020 - Nay**  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN



**TRƯƠNG HỒNG PHONG**

*Thành viên HĐQT  
kiêm Phó Tổng Giám đốc*

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Luật;
- Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Pháp chế SATRA

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

- **04/2010 – 09/2014**  
Chuyên viên Phòng tư pháp UBND Quận Gò Vấp
- **10/2014 – 09/2017**  
Phó trưởng phòng Phòng tư pháp UBND Quận Gò Vấp
- **10/2017 – 10/2021**  
Chủ tịch UBND Phường 13 Quận Gò Vấp
- **11/2021 – Nay**  
Giám đốc Pháp chế, SATRA
- **4/2022 - Nay**  
Thành viên HĐQT, VISSAN

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



**NGUYỄN NGỌC AN**  
Phó Chủ tịch HĐQT  
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Cơ khí;
- Cử nhân Anh Văn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 8.600 cổ phiếu, chiếm 0,0106% VDL
- ĐD: 12.946.288 CP, chiếm 16% VDL

Quá trình công tác:

- 11/2006 – 04/2016  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- 05/2016 – 03/2017  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- 04/2017 – Nay  
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VISSAN



**NGUYỄN ĐĂNG PHÚ**  
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

- 09/2008 – 07/2016  
Phó Giám đốc, Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền
- 07/2016 – Nay  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN



**LÊ MINH TUẤN**  
Thành viên HĐQT  
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật.
- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

- 02/2013 - 02/2018  
Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài chính, SATRA
- 02/2018 - 06/2020  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
- 06/2020 - Nay  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN



**PHAN VĂN DŨNG**  
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 400 cổ phiếu, chiếm 0,0005% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

- 10/2004 - 10/2009  
Phó phòng kinh doanh, VISSAN
- 11/2009 - 12/2017  
Trưởng phòng kinh doanh, VISSAN
- 01/2018 – Nay  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



**TRƯƠNG HẢI HƯNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1971  
**Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ Hoá thực phẩm

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có  
**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- CN: 4.200 CP, chiếm 0,0052% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

**Quá trình công tác:**

- 04/2005 – 03/2011**  
Phó quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN
- 04/2011 - 12/2019**  
Quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN
- 01/2020 đến nay**  
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN



**ĐỖ THỊ THU THỦY**  
Kế toán trưởng

**Năm sinh:** 1976  
**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân kế toán

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có  
**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- CN: 200 CP, chiếm 0,0002% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

**Quá trình công tác:**

- 08/2013 - 09/2020**  
Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN
- 10/2020 - nay**  
Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN



**TRƯƠNG VIỆT TIÊN**  
Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1983  
**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kế toán doanh nghiệp;
- Cử nhân Tin học kế toán.

**Chức vụ tại tổ chức khác:** Không có  
**Số cổ phần nắm giữ:**

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.854.858 CP, chiếm 6% VDL

**Quá trình công tác:**

- 04/2019 – Nay**  
Trưởng Ban Kiểm soát, VISSAN



**TRỊNH THỊ VÂN ANH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1988  
**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế

**Chức vụ tại tổ chức khác:** Không có  
**Số cổ phần nắm giữ:**

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.045.715 CP, chiếm 5% VDL

**Quá trình công tác:**

- 12/2010 – 04/2014**  
Kiểm toán viên, Ngân hàng TMCP Á Châu
- 05/2014 – 07/2016**  
Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán AA
- 08/2016 – 01/2022**  
Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận
- 02/2022 – Nay**  
Chuyên viên Phòng tài chính kế toán, SATRA
- 04/2022 – Nay**  
Thành viên Ban kiểm soát, VISSAN



**ĐỖ THỊ THU NGA**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1976  
**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Luật.

**Chức vụ tại tổ chức khác:** Không có  
**Số cổ phần nắm giữ:**

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

**Quá trình công tác:**

- 2003 -2012**  
Luật sư Quản lý Công ty luật Chan & Goh Việt Nam
- 2013 – 09/2018**  
Trưởng phòng pháp lý Công ty Jolibee Việt Nam
- 10/2018 - Nay**  
Giám đốc Pháp lý và Quan hệ đối ngoại, CTCP Masan Meatlife
- 11/2021 - Nay**  
Thành viên HĐQT, CTCP 3F Việt
- 04/2022 – Nay**  
Thành viên Ban kiểm soát, VISSAN



**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

**DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM**

Tính đến ngày 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT		21/04/2022
2	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT		21/04/2022
3	Ông Trương Hồng Phong	Thành viên HĐQT	21/04/2022	
4	Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên HĐQT	21/4/2022	

**DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Tô Quốc Thái	Thành viên BKS		21/04/2022
2	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS		21/04/2022
3	Bà Trịnh Thị Vân Anh	Thành viên BKS	21/04/2022	
4	Bà Đỗ Thị Thu Nga	Thành viên BKS	21/4/2022	

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

Không có.



**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN**

Tính chất phân loại	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>A Theo trình độ</b>				
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	663	15,24%	648	15,45%
2 Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	562	12,92%	529	12,62%
3 Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	1.761	40,47%	1.608	38,35%
4 Lao động phổ thông	1.365	31,37%	1.408	33,58%
<b>B Theo thời hạn HĐLĐ</b>				
1 Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	550	12,64%	584	13,93%
2 Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	218	5,01%	262	6,25%
3 Hợp đồng không xác định thời hạn	3.583	82,35%	3.347	79,82%
<b>C Theo giới tính</b>				
1 Nam	2.367	54,40%	2.255	53,78%
2 Nữ	1.984	45,60%	1.938	46,22%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.351</b>	<b>100%</b>	<b>4.193</b>	<b>100%</b>

**THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,77	10,05	9,59





*“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của VISSAN. Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”*

### VỀ ĐÀO TẠO

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề.

Để đáp ứng các yêu cầu trong hoàn thiện các tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định pháp luật và kế hoạch đào tạo năm 2022, Bộ phận phụ trách công tác đào tạo thuộc Phòng Tổ chức nhân sự đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho người hoạt động theo quy định; Công ty tạo mọi điều kiện để cho người lao động tham gia các lớp đào tạo theo nhiều hình thức khác nhau. Từ đó người lao động từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, đồng thời phát triển năng lực theo hướng toàn diện. Công tác đào tạo năm 2022 được triển khai với tổng số người được đào tạo là 8.382 lượt người.

### VỀ TUYỂN DỤNG

VISSAN tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm, bằng cấp và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Công ty tôn trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Nhân viên nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như nam giới.

Trong thời gian cao điểm Tết, công ty đã có chính sách tăng lương công nhật từ 197.000đồng/ngày lên 270.000đồng/ngày để thu hút lao động đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị.

### CHÍNH SÁCH AN TOÀN, BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy, Chi nhánh. Ngoài ra, nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất người lao động trong công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và bảo hiểm sức khỏe, được thanh toán 100% chi phí điều trị tai nạn lao động.

Trong năm, Công ty thực hiện việc huấn luyện về ATLĐ theo quy định. Định kỳ kiểm tra và đề xuất cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho tất cả Người lao động khi làm việc tại các đơn vị trực tiếp sản xuất.



### VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể người lao động. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Bên cạnh việc chi trả tiền lương, tiền thưởng công ty còn chi trả thêm các khoản phụ cấp cho Người lao động như: hỗ trợ bữa ăn giữa ca, tiền xăng xe, điện thoại, quà tặng sinh nhật - hiếu hỷ - ma chay, các chuyến du lịch hằng năm, chương trình teambuilding, khám sức khỏe định kỳ. Người lao động còn được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp thu hút theo quy định của công ty.






**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN**

**DỰ ÁN DI DỜI VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ NHÀ MÁY GIẾT MỒ VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VISSAN**

Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Vissan” tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An:

- 

Hoàn thiện hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán toàn bộ Công trình; hồ sơ Thiết kế công nghệ và dự toán Dây chuyền giết mổ heo công suất 360 con/1 giờ.
- 

Tiến hành thuê Trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Long An thực hiện dịch vụ trích đo địa chính khu đất dự án và lập hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất để điều chỉnh ranh giới, mốc giới lô đất dự án đúng theo hiện trạng.
- 

Hoàn thành thi công xây dựng hạng mục “Tường rào bao quanh khu đất và cổng tạm công trình”. Công ty đang phối hợp với đơn vị liên quan và nhà thầu xây dựng thực hiện thủ tục trình phê duyệt hồ sơ dự toán phần phát sinh và ký kết phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị hợp đồng.
- 

Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An đã thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hiện nay, Công ty đang phối hợp hoàn chỉnh bản vẽ Thiết kế nộp bổ sung theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.
- 

Tại Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-Vissan ngày 09/02/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phê duyệt điều chỉnh dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”, theo đó:

  - Chấp thuận cho Công ty điều chỉnh tên dự án;
  - Chấp thuận cho Công ty điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án;
  - Chấp thuận chủ trương cho Công ty tách công trình Văn phòng điều hành và các kho trung chuyển tại KCN Tân Tạo ra khỏi Dự án được duyệt ban đầu để hình thành dự án khác, độc lập với dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan.

**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (KHÔNG CÓ)**





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	2.288.520	2.081.674	-9,0%
2	Doanh thu thuần	4.293.091	3.833.501	-10,7%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	181.818	166.825	-8,2%
4	Lợi nhuận khác	5.388	6.701	24,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	187.206	173.525	-7,3%
6	Lợi nhuận sau thuế	149.011	137.452	-7,8%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.006	952	-5,4%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,76	2,16
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,15	1,44
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,86	38,18
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	88,20	61,77
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,10	4,99
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,94	1,75
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,47	3,59
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,73	10,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,73	6,29
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	4,24	4,35

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

01

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh năm 2022 lần lượt ở mức 2,16 và 1,44, cao hơn so với năm 2021, cho thấy công ty luôn đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

02

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2022 lần lượt là 38,18% và 61,77%, tốt hơn so với năm 2021. Công ty đang kiểm soát cơ cấu Nợ thấp hơn Vốn chủ sở hữu nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

03

Hệ số Doanh thu thuần/Tổng Tài sản giảm từ 1,94 vòng năm 2021 xuống còn 1,75 vòng năm 2022 do doanh thu của công ty năm 2022 giảm bởi sức mua người tiêu dùng yếu khiến hệ số Doanh thu thuần/Tổng Tài sản có xu hướng giảm.

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,1 vòng năm 2021 còn 4,99 vòng năm 2022. Doanh thu giảm khiến cho giá vốn hàng bán giảm. Trước tình hình này, công ty đã chủ động điều tiết giảm lượng hàng tồn kho về mức phù hợp nhằm duy trì ổn định khả năng thanh toán, với tốc độ giảm hàng tồn kho thấp hơn so với tốc độ giảm của giá vốn hàng bán.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

04

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên doanh thu năm 2022 tốt hơn so với năm trước chủ yếu do những nỗ lực của công ty trong việc quản lý, tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên Tổng tài sản và trên Vốn chủ sở hữu năm 2022 thấp hơn so với năm 2021 do kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng bởi sức mua người tiêu dùng giảm.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 80.913.700 cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 600 cổ phiếu.
- Loại cổ phần:** Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phiếu.



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	54.829.878	67,76%	1	1	-
2	Cổ đông lớn (*)	75.009.904	92,70%	2	2	-
-	Trong nước	75.009.904	92,70%	2	2	-
-	-Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Công đoàn	16.018	0,02%	1	1	-
-	Trong nước	16.018	0,02%	1	1	-
-	Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	600	0,001%	1	1	-
5	Cổ đông khác	5.887.778	7,28%	1035	13	1.022
-	Trong nước	2.415.258	2,98%	1014	7	1.007
-	Nước ngoài	3.472.520	4,29%	21	6	15
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>80.914.300</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.039</b>	<b>17</b>	<b>1.022</b>
Trong đó: - Trong nước		77.441.780	95,71%	1.018	11	1.007
- Nước ngoài		3.472.520	4,29%	21	6	15

(\*) Ghi chú: Công ty có 2 cổ đông lớn, trong đó có 1 cổ đông nhà nước.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>Tổ chức</b>		<b>75.009.904</b>	<b>92,70%</b>
1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV (SATRA)	54.829.878	67,76%
2	Công ty Cổ phần Masan Meatlife	20.180.026	24,94%
<b>Cá nhân</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>

• **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:** Không có.

• **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** Không có

• **CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC** Không có.

• **TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:** Căn cứ công văn số 666/UBCK-PTTT ngày 16 tháng 02 năm 2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản là: 0%.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



**“ Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.**

**Tác động môi trường**

Quản lý các vấn đề tác động đến môi trường trong suốt chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị sản xuất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường giúp công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cùng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường làm việc.

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất chế biến. Công ty đã đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý mùi, bụi, khí thải và đang hoạt động ổn định, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Đồng thời, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong Công ty.

**Nguồn nguyên vật liệu**

Là doanh nghiệp chuyên sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm, do đó nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất chiếm tỷ trọng chính trong chi phí giá thành sản phẩm của Công ty. Vì vậy, công ty luôn tập trung vào việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức về tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu thụ cũng như các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để tối ưu hóa quá trình sản xuất và giảm thiểu chi phí hoạt động.

Công ty luôn cập nhật, theo dõi tình hình thị trường thường xuyên, từ đó chủ động trong việc tìm kiếm, mua hàng và đàm phán giá với các nhà cung cấp, nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định về số lượng và chất lượng cũng như giá cả phù hợp. Bên cạnh đó, công ty cũng xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp đáng tin cậy, đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định trong dài hạn.

Công ty đặt ra các kế hoạch sản xuất chi tiết để dự tính số lượng hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường và đồng thời giảm thiểu rủi ro cho quá trình sản xuất. Việc quản lý tồn kho vật tư được thực hiện chặt chẽ, thông qua việc xây dựng các biện pháp quản lý kho hiệu quả, giảm thiểu chi phí tồn kho và giảm hao hụt nguyên liệu, tăng tính minh bạch và sự hiệu quả trong quản lý nguồn lực.

**Tiêu thụ nước**

Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CB - CNV sử dụng nước tiết kiệm. Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường, cụ thể Công ty đã áp dụng hệ thống xử lý nước thải với công suất 990 m<sup>3</sup>/ngày trước khi thải ra sông Sài Gòn, đồng thời tái sử dụng được một lượng lớn m<sup>3</sup> nước trong năm.

**Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng năm 2022: 363.295 m<sup>3</sup>.**

**Tiêu thụ năng lượng xanh**

Vật liệu thừa của ngành nông nghiệp (tro trấu ...) được sử dụng để tạo ra năng lượng phục vụ sản xuất giúp giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, góp phần giảm nguy cơ biến đổi khí hậu. Hệ thống xử lý khí thải được Công ty Năng lượng Xanh – đơn vị bán hơi cho VISSAN đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

**Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường, theo đó Công ty xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường giúp mỗi CB - CNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về bảo vệ môi trường. Các hoạt động không có ảnh hưởng xấu đến môi trường, nhiên liệu tiêu thụ qua các năm thể hiện lượng phát thải không tăng hoặc tăng không đáng kể. **Năm 2022, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.**

**Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, VISSAN mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Tính đến nay, VISSAN là một trong những doanh nghiệp đầu tiên và tích cực tham gia Chương trình Bình ổn thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2022, VISSAN đã thực hiện công tác đóng góp, ủng hộ các chương trình xã hội từ thiện với tổng số tiền trên 500 triệu đồng. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, VISSAN mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, VISSAN luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.





Sức Sống Mỗi Ngày



3

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### THUẬN LỢI

- Thương hiệu VISSAN với hơn 50 năm xây dựng và phát triển đã khẳng định được vị thế vững chắc trên thị trường, trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thực phẩm chế biến và thực phẩm tươi sống. Với uy tín thương hiệu lâu năm và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao, an toàn và ngon miệng nên người tiêu dùng luôn ưu tiên, tin tưởng lựa chọn sản phẩm của Công ty.
- Với hệ thống phân phối rộng khắp và mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác là nhà cung cấp, nhà phân phối lâu năm và bền vững đã tạo điều kiện thuận lợi giúp nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý; sản phẩm của VISSAN dễ dàng tiếp cận người tiêu dùng ở mọi vùng miền, từ thành thị đến nông thôn, đảm bảo khả năng cung ứng sản phẩm ổn định và nhanh chóng.

#### KHÓ KHĂN

- Xung đột chính trị giữa Nga – Ukraine kéo dài khiến giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục tăng cao ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Công ty;
- Dịch tả heo châu Phi (ASF) cơ bản được khống chế nhưng giá thức ăn chăn nuôi tăng mạnh khiến giá heo hơi trung bình năm 2022 giữ ở mức cao trên 57.800 đồng/kg. Đồng thời, giá heo có xu hướng tăng dần kể từ đầu năm và tăng đột biến vào tháng 06-07/2022 trong khi giá bán không điều chỉnh tăng tương xứng đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Lạm phát tăng cao ảnh hưởng đến tâm lý thắt chặt chi tiêu làm cho sức mua của người tiêu dùng giữ ở mức thấp.





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.637.383	1.805.793	-9,3%	78,7%	78,9%
Tài sản dài hạn	444.291	482.727	-8,0%	21,3%	21,1%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.081.674</b>	<b>2.288.520</b>	<b>-9,0%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Tổng tài sản của VISSAN trong năm 2022 giảm từ 2.289 tỷ đồng xuống 2.082 tỷ đồng, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2021. Cơ cấu tài sản dịch chuyển theo hướng giảm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Tài sản ngắn hạn giảm do công ty chủ động giảm khoản vay ngắn hạn, dẫn đến số dư tiền giảm, đồng thời hàng tồn kho cũng điều tiết giảm về mức phù hợp nhằm duy trì ổn định khả năng thanh toán và tăng cường các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn dưới một năm nhằm bảo tồn vốn gốc và tạo ra nguồn thu nhập ổn định trong giai đoạn khó khăn. Các khoản phải thu trong kỳ phần lớn là giao dịch ngắn hạn với các đối tác uy tín nên có rủi ro thấp.

Tài sản dài hạn giảm từ 483 tỷ đồng xuống còn 444 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, giảm 8,0%. Tài sản dài hạn của công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục Tài sản cố định, chiếm 87,2% trong tổng Tài sản dài hạn.

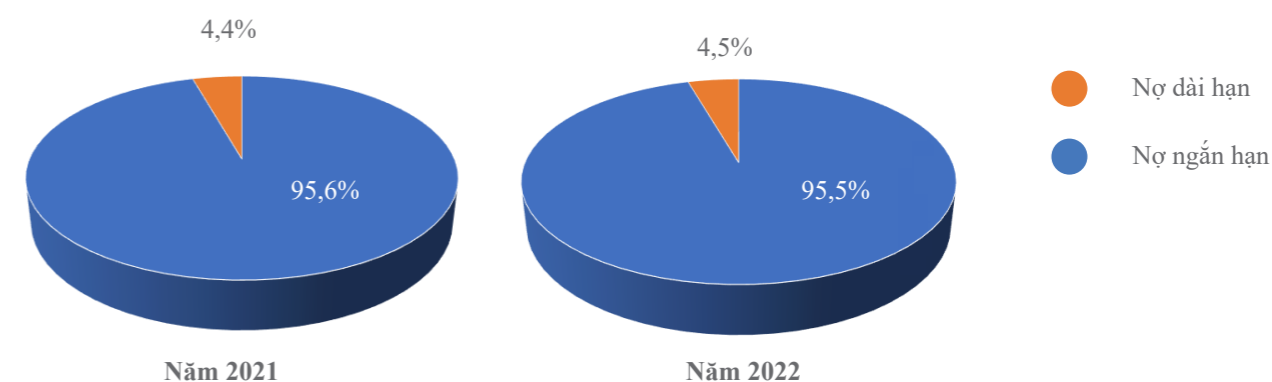
### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	759.330	1.025.207	-25,9%	95,5%	95,6%
Nợ dài hạn	35.512	47.304	-24,9%	4,5%	4,4%
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>794.842</b>	<b>1.072.511</b>	<b>-25,9%</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>

- Nợ ngắn hạn giảm từ 1.073 tỷ đồng xuống còn 795 tỷ đồng, giảm 25,9%. Tỷ trọng nợ ngắn hạn công ty chiếm 95,5% trong tổng nợ. Công ty giảm các khoản vay ngắn hạn trong điều kiện lãi suất vay tăng cao, tận dụng nguồn tiền hiện có để phục vụ sản xuất kinh doanh.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### NHỮNG TIÊU CHUẨN TRONG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG

- » **Quản lý:** Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.
- » **Môi trường:** Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
- » **Chăn nuôi:** Chứng nhận VietGap, Chuỗi thực phẩm an toàn.
- » **Giết mổ:**
  - Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm giết mổ gia súc (heo, bò) và chứng nhận chuỗi giết mổ an toàn Heo & Bò;
  - Chứng nhận Escas (tiêu chuẩn của chính phủ Úc giết mổ bò nhân đạo và đảm bảo an toàn thực phẩm).
- » **Sản xuất chế biến:**
  - Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất chế biến các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau củ quả; chế biến hạt nêm;
  - Chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn HACCP Codex Alimentarius (CAC/RAP 1-1969, Rev.5-2020);
  - Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000 : 2018;
  - Đảm bảo chất lượng: Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm hóa, sinh ISO/IEC 17025: 2017.
- » **Kinh doanh:**
  - Chứng nhận đủ điều kiện tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn” thịt heo, thịt bò (chăn nuôi, giết mổ, phân phối).



### QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

#### » Quy trình kiểm soát chất lượng đầu vào:

Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, lựa chọn những vật liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn: theo lô bằng các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh theo tiêu chuẩn cơ sở, quy cách hàng hóa và hợp đồng.

Định kỳ kiểm soát hàng lưu kho đối chiếu với tiêu chuẩn.

Khi các nguyên liệu đưa vào quá trình sản xuất đều được kiểm tra chất lượng đầu vào lần nữa, kiểm soát cách sử dụng những nguyên vật liệu này theo quy trình sản xuất đã quy định để đảm bảo chất lượng.

Giải quyết những vấn đề phát sinh với các nhà cung cấp bằng biên bản và hợp đồng, đánh giá chất lượng, năng lực các nhà cung ứng sản phẩm định kỳ.

#### » Quy trình kiểm soát chất lượng quá trình sản xuất:

Kiểm soát chất lượng bán thành phẩm trên dây chuyền bằng quy trình, hướng dẫn công việc trong quá trình sản xuất giúp tối ưu chi phí, hạn chế xử lý tái chế đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình.

Thu thập, phân loại lỗi sản phẩm bằng biên bản sản phẩm không phù hợp, xác định nguyên nhân đưa ra hướng xử lý, lập kế hoạch khắc phục phòng ngừa kịp thời.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

#### » Quy trình kiểm soát chất lượng đầu ra

Đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra được kiểm soát 100% trước khi đóng gói dựa vào tiêu chuẩn cơ sở.

Căn cứ tiêu chuẩn cơ sở, bộ phận quản lý chất lượng đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho chờ xuất bán, lấy mẫu kiểm tra theo lô các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh,...

Tại các điểm bán, có đội ngũ quản lý chất lượng kiểm tra điều kiện trưng bày và phân phối sản phẩm. Có Ban Giải Quyết Khiếu Nại chăm sóc khách hàng và giải quyết nhanh chóng những yêu cầu cũng như khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm, từ đó đề xuất cải tiến sản phẩm.

### KẾ HOẠCH CẢI TIẾN TRONG TƯƠNG LAI

- 1 Tiếp cận công nghệ và thiết bị tiên tiến, hướng đến nhu cầu hiện tại và tiềm ẩn của người tiêu dùng thực phẩm;
- 2 Tiếp tục áp dụng các công cụ cải tiến chất lượng, phương thức cải tiến liên tục;
- 3 Đánh giá chất lượng sản phẩm định kỳ so với tiêu chuẩn và đối thủ bằng các buổi đánh giá nội bộ và với khách hàng, nhằm cải tiến sản phẩm;
- 4 Góp ý, xây dựng cho kế hoạch, chỉ tiêu phát triển sản phẩm mới hàng năm;
- 5 Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng để nắm bắt thông tin cần cải tiến qua các kênh như hội nghị nhà phân phối, đội ngũ bán hàng, thu thập thông tin qua website, đường dây nóng,...
- 6 Khuyến khích các sáng kiến cải tiến chất lượng và đào tạo đối với người lao động.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% so với thực hiện
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>3.876.132</b>	<b>4.100.000</b>	<b>106%</b>
2	<b>Mặt hàng bán ra chủ yếu</b>	<b>Tấn</b>			
2.1	Thịt heo các loại	Tấn	10.954	11.600	106%
2.2	Thịt bò	Tấn	632	670	106%
2.3	Thực phẩm chế biến	Tấn	25.319	27.000	107%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>173.525</b>	<b>170.000</b>	<b>98%</b>

### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2023

#### Đối với Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN:

Tiếp tục thực hiện các hồ sơ, thủ tục chuyển đổi từ cụm công nghiệp sang dự án đầu tư trực tiếp, xin cấp mới giấy chứng nhận đầu tư. Sau đó, thực hiện thủ tục chuyển sang hình thức thuê đất theo quy định sau khi cổ phần hóa và thực hiện chỉnh lý biến động về hình thể và tọa độ mốc ranh khu đất dự án tại Long An trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với thực trạng khu đất hiện nay.

Thực hiện hồ sơ dự án điều chỉnh và các công việc, hồ sơ, thủ tục theo quy định để có đủ cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt điều chỉnh dự án.

#### Đối với dự án đầu tư phát triển khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư các dự án đầu tư phát triển thuộc kế hoạch đầu tư năm 2022 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2023 nhằm phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Có gắng đảm bảo tiến độ triển khai một số dự án quan trọng Công ty đang xúc tiến thủ tục đầu tư như: Dây chuyền đóng gói thịt mát VISSAN, Sửa chữa cầu thép VISSAN (nhánh đi vào), Dự án trại heo mới Bình Dương, ...



Sức Sống Mỗi Ngày



# 4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



### Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và trong nước xảy ra nhiều biến động khó lường trước sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất lợi như: xung đột chính trị thế giới, các chính sách điều hành kinh tế ở các cường quốc, chính sách “Zero Covid”, khủng hoảng năng lượng tại Trung Quốc. Hậu quả dẫn đến áp lực lạm phát, chi phí năng lượng, lãi suất và gia tăng các chi phí đầu vào đã đẩy nền kinh tế đến bờ vực suy thoái. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED), khiến cuộc đua lãi suất không ngừng leo thang ở các quốc gia, doanh nghiệp sản xuất trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đối mặt với rủi ro lãi suất, nền kinh tế thu hẹp quy mô, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng giảm.

Đối mặt với các rủi ro đó, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc theo sát, triển khai kịp thời, nhất quán các chiến lược, đặc biệt là chiến lược tập trung tăng cường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty. Hội đồng quản trị chủ trương chỉ đạo các công tác đầu tư, sửa chữa lớn sớm hoàn thành theo kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo các dây chuyền máy móc thiết bị hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra, cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

Nhờ sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV kết quả kinh doanh năm 2022 tương đối khả quan, tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 3.876 tỷ đồng, thực hiện 77,5%; lợi nhuận trước thuế đạt 173,5 tỷ đồng hoàn thành 102,1% so với kế hoạch đề ra.



### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hiện có 02/05 thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:

- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt.
- Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1

Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển nguồn nguyên liệu heo hơi theo hướng Feed – Farm – Food, hướng đến đáp ứng 20-30% nhu cầu của Công ty trong dài hạn.

2

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc,... làm định hướng phát triển trọng tâm chiến lược; giữ vững uy tín và vị thế của nhà cung cấp thực phẩm hàng đầu hiện nay.

3

Rà soát đề ra mô hình mới cho hoạt động kinh doanh ở chợ truyền thống nhằm tăng tính cạnh tranh, phục vụ tốt hơn cho người tiêu dùng. Đẩy mạnh công tác bán hàng online thông qua liên kết với các sàn thương mại điện tử, website Vissanmart.com....

4

Đầu tư trang, thiết bị nhằm cải thiện phẩm chất, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

5

Tăng cường chiến lược sử dụng thịt mát cho ngành thực phẩm tươi sống phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại.

6

Tập trung công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp đối với đội ngũ quản lý tại Công ty; Thúc đẩy các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin cho việc quản trị Công ty.

7

Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thi công các hạng mục thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan, nhanh chóng đưa nhà máy sớm đi vào hoạt động.





Sức Sống Mỗi Ngày



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**

# 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 16.800.157	CN: 0 ĐD: 20,76
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	CN: 8.600 ĐD: 12.946.288	CN: 0,0106 ĐD: 16
3	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	CN: 0 ĐD: 8.091.430	CN: 0 ĐD: 10
4	Ông Trương Hồng Phong	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 8.091.430	CN: 0 ĐD: 10
5	Ông Nguyễn Quốc Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.



### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.



### Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	24/24	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	24/24	100%	
3	Ông Phạm Trung Lâm	7/8	88%	Miễn nhiệm từ 21/4/2022
4	Ông Lê Minh Tuấn	24/24	100%	
5	Ông Trương Vĩnh Tùng	7/8	88%	Miễn nhiệm từ 21/4/2022
6	Ông Trương Hồng Phong	16/16	100%	Bỏ nhiệm từ 21/4/2022
7	Ông Nguyễn Quốc Trung	16/16	100%	Bỏ nhiệm từ 21/4/2022

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	51/NQHĐQT-VISSAN	11/01/2022	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua sắm thiết bị máy biến áp 400KVA	100%
02	55/NQHĐQT-VISSAN	11/01/2022	Phê duyệt điều chỉnh tên, quy mô, tổng mức đầu tư dự án “Hệ thống quản lý phân phối” (DMS)	80%
03	499/NQHĐQT-VISSAN	9/02/2022	Phê duyệt đầu tư dự án “Cải tạo, sửa chữa Văn phòng Chi nhánh Hà Nội”	100%
04	621/NQHĐQT-VISSAN	23/02/2022	Phê duyệt kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	80%
05	670/NQHĐQT-VISSAN	24/02/2022	Chấp thuận chủ trương đăng ký tham gia chương trình bình ổn thị trường mặt hàng thịt heo năm 2022 và Tết Quý Mão năm 2023	80%
06	838/NQHĐQT-VISSAN	14/03/2022	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan trong năm 2022.	100%
07	1171/NQHĐQT-VISSAN	04/04/2022	Phê duyệt bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty.	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
08	2229/NQHĐQT-VISSAN	19/04/2022	<p>Để có cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT thông qua các nội dung sau:</p> <p>(1) Thống nhất kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;</p> <p>(2) Thông qua trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận năm và mức tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022;</p> <p>(3) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;</p> <p>(4) Thống nhất mức lương đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2022;</p> <p>(5) Thống nhất với đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;</p> <p>(6) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>(7) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>(8) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>(9) Thống nhất thông qua nội dung rút dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan - Cụm công nghiệp Chế biến thực phẩm Vissan tại Long An khởi quy hoạch cụm công nghiệp chuyển thành dự án đầu tư trực tiếp với điều kiện được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương đồng ý cho kế thừa toàn bộ hồ sơ pháp lý của dự án đã được phê duyệt và được tiếp tục triển khai dự án trên khu đất.</p> <p>(10) Thống nhất thông qua các nội dung liên quan đến công tác nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát</p>	100%
09	1788/NQHĐQT-VISSAN	14/05/2022	<p>Phê duyệt việc rút lại Tờ trình xin phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mua sắm thiết bị “Tủ trữ lạnh trang bị cho các nhà phân phối và điểm bán tại kênh GT toàn quốc”(tờ trình số 2008/TTr-VISSAN-KHĐT ngày 02/6/2021) để thực hiện theo Quy định mua hàng, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty.</p>	100%
10	1789/NQHĐQT-VISSAN	14/05/2022	<p>Phê duyệt lựa chọn Công ty Cổ phần thẩm định giá Thiên Phú để thực hiện thẩm định giá máy móc, thiết bị của các dự án “Dây chuyền đóng gói thịt mát” “Máy ghép mí lon đồ hộp tự động” “Máy Bowl Cutter” “Lò tiết trùng tự động” “Lò sấy xông khói” “Cải tạo sửa chữa phòng Ivc” trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư của Công ty và thành lập Tổ thẩm định dự án độc lập để thẩm định dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	2231/NQHĐQT-VISSAN	17/06/2022	<p>Chấp thuận cho thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất của công ty tại xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cho đúng với Mảnh trích đo địa chính số 11-2021 (hệ tọa độ VN2000, khu vực nông thôn, áp 5, tờ số 20) do trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên môi trường lập ngày 25/10/2021 đã được văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An duyệt ngày 29/10/2021.</p>	100%
12	2232/NQHĐQT-VISSAN	17/06/2022	<p>Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao, lao động bình quân thực hiện năm 2021</p>	100%
13	2601/NQHĐQT-VISSAN	06/07/2022	<p>Phê duyệt phương án lao động, tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022</p>	100%
14	2602/NQHĐQT-VISSAN	07/07/2022	<p>Phê duyệt bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Trung – Thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT</p>	100%
15	2603/NQHĐQT-VISSAN	07/07/2022	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <p>(1) Căn cứ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có giải pháp trong công tác điều hành, xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí, sắp xếp nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động, phấn đấu nỗ lực tối đa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao.</p> <p>(2) Thống nhất kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý Công ty năm 2021. Giao Tổng Giám đốc xây dựng phương án trả thưởng cho người quản lý công ty năm 2021 theo đúng quy định pháp luật.</p>	100%
16	3319/NQHĐQT-VISSAN	18/08/2022	<p>Phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2022</p>	80%
17	3749/NQHĐQT-VISSAN	14/09/2022	<p>Phê duyệt tuyển dụng và bổ nhiệm ông Huỳnh Quang Giàu giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty.</p>	100%
18	3782/NQHĐQT-VISSAN	15/09/2022	<p>Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT</p>	100%
19	3783/NQHĐQT-VISSAN	15/09/2022	<p>Phê duyệt đầu tư dự án “Cải tạo, sửa chữa cầu thép Vissan – nhánh đi vào”</p>	100%
20	3784/NQHĐQT-VISSAN	15/09/2022	<p>Phê duyệt ngưng đầu tư dự án “Cải tạo, sửa chữa văn phòng chi nhánh Hà Nội”</p>	100%



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	4651/NQHĐQT-VISSAN	28/10/2022	Chấp thuận chủ trương cho thực hiện các công việc, hồ sơ, thủ tục theo quy định để có đủ cơ sở trình ĐHCĐ xem xét phê duyệt điều chỉnh dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”	100%
22	5006/NQHĐQT-VISSAN	22/11/2022	Chấp thuận cho Công ty thực hiện các hồ sơ, thủ tục ký hợp đồng thuê đất với Sở TNMT tỉnh Long An đối với thửa đất tại xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	100%
23	5314/NQHĐQT-VISSAN	22/11/2022	Thông qua các nội dung sau: (1) Căn cứ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có giải pháp trong công tác điều hành, xây dựng kế hoạch giảm chi phí, sắp xếp nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động, phân đấu nỗ lực tối đa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao. (2) Thống nhất bàn giao Khu đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương quản lý theo quy định.	100%
24	5513/NQHĐQT-VISSAN	23/12/2022	Thông qua việc thay đổi nhân sự Ban công bố thông tin của Công ty.	100%

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	340/QĐHĐQT-VISSAN	24/01/2022	Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	100%
2	898/QĐHĐQT-VISSAN	25/02/2022	Về việc thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	1172/QĐHĐQT-VISSAN	04/04/2022	Bỏ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty	80%
4	1435/QĐHĐQT-VISSAN	21/04/2022	Hội đồng quản trị ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty	100%
5	1434/QĐHĐQT-VISSAN	21/04/2022	Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	100%
6	1790/QĐHĐQT-VISSAN	14/05/2022	Thành lập Tổ thẩm định dự án độc lập để thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	100%

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (Không có)

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty (Không có)

## BAN KIỂM SOÁT



### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	CN: 0 ĐD: 4.854.858	CN: 0 ĐD: 6
2	Bà Trịnh Thị Vân Anh	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 4.045.715	CN: 0 ĐD: 5
5	Bà Đỗ Thị Thu Nga	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0



### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2022, qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị Công ty của Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành bảo đảm tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra để ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật. Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát.

#### KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch, nội dung công việc đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.
- Định kỳ tổ chức giao ban toàn Công ty và họp với phụ trách từng đơn vị để rà soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

#### ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

- Đối với cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện đúng theo nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**BAN KIỂM SOÁT**



**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác
  - Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đã đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
  - Ban Kiểm soát đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
  - Ban Kiểm soát cũng đồng thời nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.



**Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát**

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Việt Tiến	3/3	100%	100%	
2	Ông Tô Quốc Thái	1/1	100%	100%	Miễn nhiệm từ 21/4/2022
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	1/1	100%	100%	Miễn nhiệm từ 21/4/2022
4	Bà Trịnh Thị Vân Anh	2/2	100%	100%	Bỏ nhiệm từ 21/4/2022
5	Bà Đỗ Thị Thu Nga	2/2	100%	100%	Bỏ nhiệm từ 21/4/2022

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	837.286.000	-	59.937.700	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	812.292.000	124.968.000	107.887.900	
3	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	749.808.000	-	71.925.300	
4	Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	749.808.000	-	71.925.300	
5	Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	749.808.000	-	71.925.500	
6	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	749.808.000	124.968.000	107.887.900	
7	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	687.324.000	-	71.925.300	
8	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng BKS	749.808.000	-	36.198.400	
9	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	-	38.053.000	24.334.700	TV HĐQT đến 21/4/2022
10	Ông Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT	-	86.915.000	-	TV HĐQT từ 21/4/2022
11	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên HĐQT	-	-	11.627.900	TV HĐQT đến 21/4/2021
12	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	-	38.053.000	35.962.600	TV HĐQT đến 21/4/2022
13	Ông Nguyễn Quốc Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	-	86.915.000	-	TV HĐQT từ 21/4/2022
14	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	30.442.000	23.975.100	TV HĐQT đến 21/4/2022
15	Bà Đỗ Thị Thu Nga	Thành viên BKS	-	69.532.000	-	TV HĐQT từ 21/4/2022
16	Ông Tô Quốc Thái	Thành viên BKS	-	30.442.000	23.975.100	TV HĐQT đến 21/4/2022
17	Bà Trần Thị Vân Anh	Thành viên BKS	-	69.532.000	-	TV HĐQT từ 21/4/2022

**Lưu ý:** Đối với các khoản thù lao, thưởng của ông Phạm Trung Lâm, ông Nguyễn Quốc Trung và bà Đỗ Thị Thu Nga đề nghị không nhận sẽ được Công ty xử lý theo đúng quy định.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Không có)

### Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty:

Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (Satra)	Tổ chức sở hữu 67,76% cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết	0300100037, cấp ngày 15/7/1998 tại TP. HCM
Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Kho lạnh Satra	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-024, cấp ngày 14/03/2013 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi Satra	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-025, cấp ngày 16/4/2013 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra, đường Phạm Hùng	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-020, cấp ngày 22/11/2011 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Sài Gòn	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-004, cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0301454021, cấp ngày: 28/9/2005 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm phân phối Satra	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-023, cấp ngày 09/10/2012 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Thương xá Tax	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-003, cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM
Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải (CO-FIDEC)	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-021, cấp ngày 16/01/2012 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm thương mại Satra Cù Chi	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-027, cấp ngày 31/07/2018 tại TP. HCM
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300100037-026 cấp ngày 26/12/2016 tại Cần Thơ
Công ty Cổ phần Vật Tư Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra	0300587741, cấp ngày 29/06/2005 tại TP.HCM

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2022		Bán hàng hóa: 155.687.100 VND
Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 428.224.147 VND Sử dụng dịch vụ: 148.881.352 VND
Lô 3, Khu thương mại Bình Điền, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, P. 7, quận 8, TP.HCM	Năm 2022		Mua hàng hóa: 21.329.901.770 VND Sử dụng dịch vụ: 12.044.524.055 VND
455 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 111.427.208.567 VND Sử dụng dịch vụ: 678.368.027 VND
C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 13.931.824.010 VND Sử dụng dịch vụ: 59.254.990 VND
460 đường Ba Tháng Hai, phường 12, quận 10, TP. HCM	Năm 2022	Nghị quyết số 838/ NQHĐQT - VISSAN của HĐQT ngày 14/03/2022	Mua hàng hóa: 56.194.780 VND Bán hàng hóa: 4.324.014.184 VND Sử dụng dịch vụ: 32.997.140 VND
214B Lý Chính Thắng, phường 09, quận 3, TP HCM	Năm 2022		Mua hàng hóa: 164.415.320 VND
204 - 206 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, TP. HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 1.310.000 VND Mua hàng hóa: 1.735.935.772 VND Sử dụng dịch vụ: 167.181.818 VND
38 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 126.943.383 VND Sử dụng dịch vụ: 1.600.670 VND
Lô C34/I, đường 2G, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP.HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 274.634.989 VND
1239 Tinh Lộ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Cù Chi, TP. HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 3.377.010.266 VND Sử dụng dịch vụ: 30.668.875 VND
90B/3, đường 3 tháng 2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Năm 2022		Mua hàng hóa: 238.007.830 VND Bán hàng hóa: 2.698.469.137 VND Sử dụng dịch vụ: 19.248.913 VND
117 Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM	Năm 2022		Bán hàng hóa: 2.816.000 VND Sử dụng dịch vụ: 8.129.700 VND



“VISSAN luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu các rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

Trong năm 2022 các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, ban Giám đốc đã tích cực tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty về Xây dựng hệ thống Kiểm soát nội bộ chuyên nghiệp ngăn ngừa rủi ro cho Doanh nghiệp; Kiểm toán nội bộ cấp độ nền tảng và nâng cao; các khóa đào tạo về đấu thầu và Quản trị công ty cổ phần. Bên cạnh đó là tham dự các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định về Huấn luyện An toàn thực phẩm, An toàn lao động dành cho đối tượng quản lý.

### Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

#### ✓ Quản trị tài chính - kế toán:

- Công ty thực hiện việc ghi chép, báo cáo sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó công ty cũng chú trọng việc quản lý tài chính thông qua các hoạt động: phân tích kết quả hoạt động định kỳ, lập và theo dõi ngân sách hàng năm, thẩm định hiệu quả các dự án đầu tư, cân đối nguồn vốn hoạt động, lập các kế hoạch tài chính trung và dài hạn ...
- Công ty sử dụng phần mềm Fast và AX trong công tác kế toán. Việc áp dụng phần mềm giúp công ty có được nguồn dữ liệu hữu ích cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả chi tiết các mặt hàng, các khoản chi phí... Bên cạnh đó nhờ việc sử dụng phần mềm kế toán nên mặc dù có nhiều đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, nhưng công ty luôn lập và công bố báo cáo tài chính tổng hợp theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Trong tương lai, công ty sẽ tiến đến áp dụng hệ thống phần mềm ERP nhằm quản trị toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh từ đầu vào cho đến đầu ra.

#### ✓ Quản trị nhân sự

- Công ty sử dụng phần mềm quản lý nhân sự SS4U và bảng tính để quản trị nhân sự đạt hiệu quả tốt khi cần tra cứu thông tin nhân sự về công làm việc, tiền lương và quá trình công tác của từng nhân sự cụ thể được nhanh hơn và mang tính chính xác cao. Nhưng do phần mềm đã sử dụng gần 09 năm với nhiều sự thay đổi về bộ luật lao động và các chế độ chính sách, trong tương lai cần nâng cấp phần mềm cũ hoặc thay đổi sang phần mềm mới hiện đại hơn.







Sức Sống Mỗi Ngày



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Nguyễn Ngọc An  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

#### GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 10 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Phạm Thái Hùng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3444-2020-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12994  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Võ Ngọc Huyền  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2610-2023-006-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.637.383.912.312</b>	<b>1.805.793.618.089</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	520.774.128.027	857.898.770.269
111	Tiền		66.674.128.027	49.198.770.269
112	Các khoản tương đương tiền		454.100.000.000	808.700.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000.000	70.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	300.000.000.000	70.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		264.981.007.759	246.761.981.109
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	185.504.631.352	167.826.316.937
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.281.663.285	5.804.378.787
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	75.633.206.942	74.391.270.497
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.438.493.820)	(1.259.985.112)
140	Hàng tồn kho	7	545.208.308.775	625.165.695.569
141	Hàng tồn kho		547.296.478.114	625.747.090.469
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.088.169.339)	(581.394.900)
150	Tài sản ngắn hạn khác		6.420.467.751	5.967.171.142
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	5.482.475.342	4.860.024.447
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		454.685.646	941.948.526
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12(a)	483.306.763	165.198.169
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>444.290.538.041</b>	<b>482.726.665.150</b>
210	Khoản phải thu dài hạn		912.675.000	1.197.675.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	912.675.000	1.197.675.000
220	Tài sản cố định		387.351.057.351	421.295.571.554
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	163.536.580.795	188.181.459.609
222	Nguyên giá		505.623.306.177	499.841.631.610
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(342.086.725.382)	(311.660.172.001)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	223.814.476.556	233.114.111.945
228	Nguyên giá		300.428.991.661	300.428.991.661
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.614.515.105)	(67.314.879.716)
240	Tài sản dở dang dài hạn		16.922.752.231	16.722.923.969
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	16.922.752.231	16.722.923.969
260	Tài sản dài hạn khác		39.104.053.459	43.510.494.627
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	7.485.321.812	12.712.655.041
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18	31.618.731.647	30.797.839.586
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.081.674.450.353</b>	<b>2.288.520.283.239</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>794.842.028.160</b>	<b>1.072.511.487.293</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>759.329.639.647</b>	<b>1.025.207.353.807</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	341.255.198.792	350.599.213.224
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		25.141.223.979	28.181.994.061
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	17.679.513.749	18.032.714.197
314	Phải trả người lao động		91.167.616.792	126.260.204.054
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	112.552.941.842	110.631.423.931
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	26.754.233.271	20.360.290.413
320	Vay ngắn hạn	15(a)	11.592.179.472	282.714.026.351
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	133.186.731.750	88.427.487.576
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>35.512.388.513</b>	<b>47.304.133.486</b>
338	Vay dài hạn	15(b)	10.527.319.013	22.119.498.486
342	Dự phòng phải trả dài hạn	17	24.985.069.500	25.184.635.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.286.832.422.193</b>	<b>1.216.008.795.946</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.286.832.422.193</b>	<b>1.216.008.795.946</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	809.143.000.000	809.143.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		809.143.000.000	809.143.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	(22.200.000)	(22.200.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	142.272.768.989	120.065.780.609
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	335.438.853.204	286.822.215.337
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		197.987.070.795	137.810.788.424
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		137.451.782.409	149.011.426.913
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.081.674.450.353</b>	<b>2.288.520.283.239</b>



Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập

Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
<b>01</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.856.545.591.528</b>	<b>4.315.876.427.146</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(23.044.855.444)	(22.785.182.828)
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.833.500.736.084</b>	<b>4.293.091.244.318</b>
24			
<b>11</b>	<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>(2.919.546.963.694)</b>	<b>(3.296.621.828.825)</b>
25			
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>913.953.772.390</b>	<b>996.469.415.493</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	35.737.050.222	28.768.681.771
22	Chi phí tài chính	(21.425.021.670)	(23.193.340.976)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.662.582.458)	(11.332.381.440)
25	Chi phí bán hàng	(605.379.192.206)	(619.471.079.092)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(156.062.038.253)	(200.755.606.219)
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>166.824.570.483</b>	<b>181.818.070.977</b>
31	Thu nhập khác	6.894.267.083	5.563.643.313
32	Chi phí khác	(193.589.158)	(175.231.909)
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>6.700.677.925</b>	<b>5.388.411.404</b>
30			
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>173.525.248.408</b>	<b>187.206.482.381</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(36.894.358.060)	(44.065.793.333)
31			
<b>52</b>	<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>820.892.061</b>	<b>5.870.737.865</b>
31			
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>137.451.782.409</b>	<b>149.011.426.913</b>
60			
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>952</b>	<b>1.006</b>
22			
<b>71</b>	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>952</b>	<b>1.006</b>
22			



Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập

Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.903.400.407.947	4.456.829.130.002
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.880.306.174.562)	(3.188.628.514.316)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(485.046.187.783)	(473.409.189.281)
04	Tiền lãi vay đã trả	(6.839.252.718)	(11.487.758.022)
05	Thuế TNDN đã nộp	(39.873.695.594)	(40.821.083.900)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	26.418.630.310	12.801.394.051
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(369.445.628.321)	(373.519.169.457)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>148.308.099.279</b>	<b>381.764.809.077</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác	(6.133.550.022)	(26.005.155.537)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(39.000.000)	1.017.748.985
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng	(515.900.000.000)	(70.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng	285.900.000.000	6.893.903.519
27	Tiền thu lãi tiền gửi	33.531.272.108	23.516.453.379
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(202.641.277.914)</b>	<b>(64.577.049.654)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ vay	455.370.157.215	1.047.757.160.042
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(738.084.183.567)	(1.114.378.684.710)
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(2.520.000)	(850.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(282.716.546.352)</b>	<b>(66.622.374.668)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(337.049.724.987)</b>	<b>250.565.384.755</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 857.898.770.269</b>	<b>607.270.519.210</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(74.917.255)	62.866.304
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 520.774.128.027</b>	<b>857.898.770.269</b>

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập

Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 4 tháng 7 năm 2022, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 809.143.000.000 Đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN theo Quyết định số 630/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở); và
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty bao gồm Trụ sở chính và 9 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan
- Chi nhánh 2 - Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 3 - Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 4 - Nhà máy chế biến thực phẩm Vissan - Bắc Ninh
- Chi nhánh 5 - Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 6 - Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 7 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 8 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận
- Chi nhánh 9 - Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 4.193 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.351 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

### 2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định là giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán và theo dõi hàng tồn kho.

Dự phòng hàng tồn kho được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

### 2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

### 2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

#### Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 30 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Súc vật cho sản phẩm	4 năm
Phần mềm máy tính	3 – 6 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

### 2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

### 2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

#### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

#### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty, do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định.

#### (b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Công ty.

### 2.19 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### (b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### 2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

### 2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

### 2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

### 2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.28 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	6.460.363.000	4.804.486.600
Tiền gửi ngân hàng	60.051.634.051	44.349.631.895
Tiền đang chuyển	162.130.976	44.651.774
Các khoản tương đương tiền (*)	454.100.000.000	808.700.000.000
	<u>520.774.128.027</u>	<u>857.898.770.269</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng là 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 4,0%/năm).

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000.000	300.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

(\*) Số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất được hưởng từ 6,5%/năm đến 8,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 5,4%/năm đến 5,5%/năm).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Bên thứ ba		
· Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	54.771.578.078	58.635.421.000
· Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	23.080.581.563	17.255.488.684
· Khác	87.342.299.808	77.650.087.777
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	20.310.171.903	14.285.319.476
	<u>185.504.631.352</u>	<u>167.826.316.937</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào trọng yếu đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**6 PHẢI THU KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	62.165.369.120	63.183.645.983
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	7.048.848.894	5.174.859.175
Phải thu nhân viên	3.012.132.512	3.044.850.085
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	833.600.000	493.500.000
Khác	2.573.256.416	2.494.415.254
	<u>75.633.206.942</u>	<u>74.391.270.497</u>

**(b) Dài hạn**

	2022 VND	2021 VND
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	912.675.000	1.197.675.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu khác nào trọng yếu đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



**7 HÀNG TỒN KHO**

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Thành phẩm	302.941.271.885	(2.088.169.339)	360.522.802.199	(581.394.900)
Nguyên vật liệu	150.750.586.516	-	151.496.144.413	-
Công cụ, dụng cụ	66.723.926.617	-	86.853.689.806	-
Hàng hóa	11.925.313.988	-	12.641.624.814	-
Hàng đang đi trên đường	9.606.218.864	-	8.725.447.374	-
Chi phí SXKD dở dang	4.746.330.730	-	4.819.203.050	-
Hàng gửi bán	602.829.514	-	688.178.813	-
	<u>547.296.478.114</u>	<u>(2.088.169.339)</u>	<u>625.747.090.469</u>	<u>(581.394.900)</u>

**7 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Số dư đầu năm	581.394.900	3.177.306.549
Tăng dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	1.802.388.136	(2.560.080.946)
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	(295.613.697)	(35.830.703)
Số dư cuối năm	<u>2.088.169.339</u>	<u>581.394.900</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.991.558.073	1.494.105.575
Chi phí thuê hoạt động	245.966.998	392.511.001
Khác	3.244.950.271	2.973.407.871
	<u>5.482.475.342</u>	<u>4.860.024.447</u>

**(b) Dài hạn**

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.342.349.751	2.803.661.319
Chi phí thuê hoạt động	1.408.072.479	1.420.941.033
Khác	4.734.899.582	8.488.052.689
	<u>7.485.321.812</u>	<u>12.712.655.041</u>

9	TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình					
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	121.048.353.921	279.265.756.383	66.957.327.370	32.570.193.936	499.841.631.610
	Mua trong năm	-	2.115.237.000	2.131.265.657	1.311.741.910	5.558.244.567
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	187.350.000	-	-	187.350.000
	Tặng khác	-	36.080.000	-	-	36.080.000
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	121.048.353.921	281.604.423.383	69.088.593.027	33.881.935.846	505.623.306.177
	<b>Khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	47.708.068.851	189.557.180.645	52.060.425.907	22.334.496.598	311.660.172.001
	Khấu hao trong năm	5.132.916.938	17.701.958.244	3.281.011.491	4.310.666.708	30.426.553.381
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	52.840.985.789	207.259.138.889	55.341.437.398	26.645.163.306	342.086.725.382
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	73.340.285.070	89.708.575.738	14.896.901.463	10.235.697.338	188.181.459.609
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	68.207.368.132	74.345.284.494	13.747.155.629	7.236.772.540	163.536.580.795

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ của Công ty với tổng giá trị còn lại là 41.815 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 56.713 triệu Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 15).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có giá trị là 199.545 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 163.646 triệu Đồng).

9	TSCĐ (tiếp theo)	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
(b)	TSCĐ vô hình			
	<b>Nguyên giá</b>			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	286.990.468.923	13.438.522.738	300.428.991.661
	<b>Khấu hao lũy kế</b>			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	57.131.582.041	10.183.297.675	67.314.879.716
	Khấu hao trong năm	7.531.694.004	1.767.941.385	9.299.635.389
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	64.663.276.045	11.951.239.060	76.614.515.105
	<b>Giá trị còn lại</b>			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	229.858.886.882	3.255.225.063	233.114.111.945
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	222.327.192.878	1.487.283.678	223.814.476.556
	Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.204 triệu Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.231 triệu Đồng).			
10	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>			
			2022 VND	2021 VND
	Dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan		14.480.576.600	14.518.276.600
	Khác		2.442.175.631	2.204.647.369
			16.922.752.231	16.722.923.969



**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	55.870.664.880	55.870.664.880	24.983.664.770	24.983.664.770
Khác	272.509.714.844	272.509.714.844	314.294.573.712	314.294.573.712
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	12.874.819.068	12.874.819.068	11.320.974.742	11.320.974.742
	<u>341.255.198.792</u>	<u>341.255.198.792</u>	<u>350.599.213.224</u>	<u>350.599.213.224</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>(a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	71.976.079	131.830.140	(114.240.986)	89.565.233
Thuế nhập khẩu	93.222.090	36.836.410	-	130.058.500
Thuế khác	-	263.683.030	-	263.683.030
	<u>165.198.169</u>	<u>432.349.580</u>	<u>(114.240.986)</u>	<u>483.306.763</u>
<b>(b) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.772.999.418	124.539.812.659	(121.925.205.819)	13.387.606.258
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.285.044.847	(11.285.044.847)	-
Thuế nhập khẩu	-	732.030.265	(732.030.265)	-
Thuế TNDN	5.914.530.915	36.894.358.060	(39.873.695.594)	2.935.193.381
Thuế thu nhập cá nhân	411.482.181	4.212.410.341	(4.130.556.895)	493.335.627
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	933.701.683	5.667.066.838	(5.737.390.038)	863.378.483
Thuế đất phi nông nghiệp	-	207.603.998	(207.603.998)	-
Thuế nhà thầu	-	125.735.675	(125.735.675)	-
Lệ phí môn bài	-	95.000.000	(95.000.000)	-
Khác	-	102.296.853	(102.296.853)	-
	<u>18.032.714.197</u>	<u>183.861.359.536</u>	<u>(184.214.559.984)</u>	<u>17.679.513.749</u>

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Thuê mặt bằng	96.861.804.017	95.943.728.741
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất (*)</i>	96.336.872.753	95.589.128.741
<i>Khác</i>	524.931.264	354.600.000
Hỗ trợ bán hàng	13.788.503.982	11.743.252.004
Khác	1.902.633.843	2.944.443.186
	<u>112.552.941.842</u>	<u>110.631.423.931</u>

(\*) Theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 (“Quyết định”), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND TP.HCM”) đã thu hồi cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV Quản lý và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) tiếp nhận, quản lý kể từ ngày của Quyết định này. Đồng thời, UBND TP.HCM giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tiếp tục ký kết hợp đồng thuê với Công ty tại vị trí nêu trên. Các bên đang trong quá trình thực hiện kí kết hợp đồng. Công ty ước tính đơn giá thuê đất phải trả theo Thông báo số 14602/TB-CTTPHCM ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		(Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Chiết khấu thương mại	10.864.520.596	9.706.972.840
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.096.933.606	2.576.937.720
Chi phí vận chuyển	1.390.726.518	1.470.230.415
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 21)	29.900.000	32.420.000
Khác	12.273.137.857	6.065.887.937
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	99.014.694	507.841.501
	<u>26.754.233.271</u>	<u>20.360.290.413</u>

15 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.079.236.694	119.253.210.636	(319.332.447.330)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	69.943.575.402	139.456.515.953	(209.400.091.355)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	196.660.430.626	(196.660.430.626)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	12.691.214.255	-	(12.691.214.256)	11.592.179.473	11.592.179.472
	<u>282.714.026.351</u>	<u>455.370.157.215</u>	<u>(738.084.183.567)</u>	<u>11.592.179.473</u>	<u>11.592.179.472</u>

(b) Dài hạn

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	15.529.943.486	-	-	(8.297.401.973)	7.232.541.513
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	6.589.555.000	-	-	(3.294.777.500)	3.294.777.500
	<u>22.119.498.486</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(11.592.179.473)</u>	<u>10.527.319.013</u>

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM

Đây là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0035/1828/C-TL ngày 28 tháng 3 năm 2018, số 0015/2028/T-TL/01 ngày 2 tháng 3 năm 2020 và số 0088/2028/T-TL/01 ngày 17 tháng 12 năm 2020 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).

(ii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 4

Đây là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201900274 ngày 28 tháng 6 năm 2019 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).



**16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	88.427.487.576	55.912.763.830
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	66.664.118.762	58.678.679.563
Sử dụng quỹ	(21.904.874.588)	(26.163.955.817)
Số dư cuối năm	<u>133.186.731.750</u>	<u>88.427.487.576</u>

**17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

Biến động về dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	25.184.635.000	27.406.972.375
Tăng	1.404.356.544	315.413.162
Sử dụng trong năm	(1.603.922.044)	(2.537.750.537)
Số dư cuối năm	<u>24.985.069.500</u>	<u>25.184.635.000</u>

**18 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	2022 VND	2021 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản dự phòng	24.985.069.500	25.184.635.000
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản chi phí phải trả	127.607.814.495	120.823.286.540
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	5.500.774.231	7.981.276.392
	<u>158.093.658.226</u>	<u>153.989.197.932</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>31.618.731.647</u>	<u>30.797.839.586</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20% (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	VND	Cổ phiếu phổ thông	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	80.914.300	809.143.000.000	80.914.300	809.143.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	80.914.300	809.143.000.000	80.914.300	809.143.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(600)	(22.200.000)	(600)	(22.200.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.913.700	809.120.800.000	80.913.700	809.120.800.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	54.829.878	67,76	54.829.878	67,76
Công ty Cổ phần Masan Meatlife	20.180.026	24,94	20.180.026	24,94
Các cổ đông khác	5.904.396	7,30	5.904.396	7,30
Cổ phiếu quỹ	(600)	-	(600)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.913.700	100	80.913.700	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	80.913.700	809.120.800.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	809.143.000.000	95.293.269.597	(22.200.000)	221.232.116.099	1.125.646.185.696
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	149.011.426.913	149.011.426.913
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	24.772.511.012	-	(24.772.511.012)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(58.678.679.563)	(58.678.679.563)
Tăng khác	-	-	-	29.862.900	29.862.900
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	809.143.000.000	120.065.780.609	(22.200.000)	286.822.215.337	1.216.008.795.946
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	137.451.782.409	137.451.782.409
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	22.206.988.380	-	(22.206.988.380)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(66.664.118.762)	(66.664.118.762)
Tăng khác	-	-	-	35.962.600	35.962.600
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	809.143.000.000	142.272.768.989	(22.200.000)	335.438.853.204	1.286.832.422.193

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 21 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối LNST của năm 2021 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 22.206.988.380 Đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 65.944.630.062 Đồng; và
- Trích quỹ thưởng Người quản lý của Công ty: 719.488.700 Đồng.



**21 CỔ TỨC**

Biến động về cổ tức trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	32.420.000	33.270.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(2.520.000)	(850.000)
Số dư cuối năm	<u>29.900.000</u>	<u>32.420.000</u>

**22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	137.451.782.409	149.011.426.913
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(60.408.857.723)	(66.664.118.762)
	<u>77.042.924.686</u>	<u>82.347.308.151</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	80.913.700	80.913.700
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>952</u>	<u>1.006</u>

(\*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý Công ty cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được ước tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2022 của người lao động, người quản lý và được trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch. Kỳ 31 tháng 12 năm 2021 được tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2021 của người lao động, người quản lý và được trích thêm bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý là số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trong nước, do quá hạn quá lâu và không có khả năng thu hồi. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý như sau:

	Nợ khó đòi đã xử lý VND
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>574.374.034</u>

**(b) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 159.120,82 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 69.681,90 Đô la Mỹ).

**24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.852.853.837.756	4.314.640.116.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.691.753.772	1.236.310.762
	<u>3.856.545.591.528</u>	<u>4.315.876.427.146</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(22.526.001.678)	(21.991.665.470)
Hàng bán bị trả lại	(518.853.766)	(793.517.358)
	<u>(23.044.855.444)</u>	<u>(22.785.182.828)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và thành phẩm	3.829.808.982.312	4.291.854.933.556
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	3.691.753.772	1.236.310.762
	<u>3.833.500.736.084</u>	<u>4.293.091.244.318</u>

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	2.917.993.488.513	3.295.953.551.573
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.553.475.181	668.277.252
	<u>2.919.546.963.694</u>	<u>3.296.621.828.825</u>

**26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.402.024.221	26.242.870.387
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	277.831.832	97.821.992
Lãi thuần từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.389.032.725
Khác	57.194.169	38.956.667
	<u>35.737.050.222</u>	<u>28.768.681.771</u>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2022 VND	2021 VND
Chiết khấu thanh toán	12.910.033.169	11.247.958.137
Chi phí lãi vay	6.662.582.458	11.332.381.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.852.406.043	613.001.399
	<u>21.425.021.670</u>	<u>23.193.340.976</u>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	235.866.666.974	273.982.972.163
Chi phí hỗ trợ bán hàng	103.208.439.908	94.295.448.462
Chi phí vận chuyển	70.127.506.728	64.820.738.076
Chi phí vật liệu, bao bì	52.277.336.848	32.304.790.011
Chi phí thuê kho, mặt bằng	29.102.408.513	31.884.245.391
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.625.294.241	11.728.985.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.400.779.048	5.457.924.837
Khác	100.770.759.946	104.995.975.106
	<u>605.379.192.206</u>	<u>619.471.079.092</u>

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Chi phí nhân viên quản lý	77.248.476.010	80.228.687.889
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.877.898.023	12.952.424.869
Thuế, phí và lệ phí	7.023.123.218	7.378.061.565
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.696.829.295	4.788.844.879
Chi phí vật liệu quản lý	3.630.448.899	2.310.398.959
Chi phí thuê mặt bằng	(1.639.782.843)	30.609.185.612
Khác	54.225.045.651	62.488.002.446
	<u>156.062.038.253</u>	<u>200.755.606.219</u>

**30 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền đền bù từ bảo hiểm	3.107.032.116	-
Khuyến mãi, chiết khấu bán hàng	642.252.511	1.536.281.602
Lãi thuần từ thanh lý TSCĐ	-	817.557.523
Khác	3.144.982.456	3.209.804.188
	<u>6.894.267.083</u>	<u>5.563.643.313</u>
<b>Chi phí khác</b>	<u>193.589.158</u>	<u>175.231.909</u>



**31 THUẾ TNDN**

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	173.525.248.408	187.206.482.381
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 20%	168.074.362.908	158.370.168.807
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 15%	5.450.885.500	28.836.313.574
Thuế tính ở thuế suất 20%	33.614.872.582	31.674.033.761
Thuế tính ở thuế suất 15%	817.632.825	4.325.447.036
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.640.960.592	2.195.574.671
Chi phí không được trừ thuế suất 20%	1.637.698.092	2.191.944.773
Chi phí không được trừ thuế suất 15%	3.262.500	3.629.898
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>36.073.465.999</u>	<u>38.195.055.468</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	36.894.358.060	44.065.793.333
Thuế TNDN - hoãn lại	(820.892.061)	(5.870.737.865)
	<u>36.073.465.999</u>	<u>38.195.055.468</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 37)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.224.380.109.695	2.243.549.621.747
Chi phí nhân viên	544.756.441.017	590.244.192.686
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.696.397.674	42.505.033.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.719.716.813	243.647.168.593
Chi phí khác	332.373.678.277	306.272.455.518
	<u>3.346.926.343.476</u>	<u>3.426.218.472.392</u>

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	2022		
	Thực phẩm VND	Hàng công nghệ phẩm và sản phẩm khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	3.721.414.747.890	112.085.988.194	<b>3.833.500.736.084</b>
Giá vốn	(2.833.892.821.613)	(85.654.142.081)	<b>(2.919.546.963.694)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<u><b>887.521.926.277</b></u>	<u><b>26.431.846.113</b></u>	<u><b>913.953.772.390</b></u>
	2021		
	Thực phẩm VND	Hàng công nghệ phẩm và sản phẩm khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	4.125.827.196.877	167.264.047.441	<b>4.293.091.244.318</b>
Giá vốn	(3.169.303.365.211)	(127.318.463.614)	<b>(3.296.621.828.825)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<u><b>956.523.831.666</b></u>	<u><b>39.945.583.827</b></u>	<u><b>996.469.415.493</b></u>

Báo cáo bộ phận không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh.

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV do sở hữu 67,76% vốn điều lệ của Công ty.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV	Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành Cửa hàng thực phẩm tiện lợi Satra	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm Thương mại Satra đường Phạm Hùng	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Siêu thị Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Thương xá TAX	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm Phân phối Satra	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Kho lạnh Satra	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
<b>(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng thực phẩm tiện lợi Satra	111.427.208.567	198.095.889.348
- Trung tâm Thương mại Satra đường Phạm Hùng	13.931.824.010	10.707.214.080
- Siêu thị Sài Gòn	4.324.014.184	19.894.802.485
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	3.377.010.266	3.768.619.187
- Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ	2.698.469.137	4.180.879.688
- Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền	428.224.147	258.803.095
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên hải (Cofidec)	274.634.989	225.803.599
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn		
- TNHH MTV	155.687.100	84.488.510
- Thương xá TAX	126.943.383	161.527.296
- Trung tâm phân phối Satra	1.310.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2.816.000	-
	<u>136.748.141.783</u>	<u>237.378.027.288</u>

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
<b>(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Kho lạnh Satra	33.374.425.825	19.492.495.578
- Trung tâm phân phối Satra	1.903.117.590	753.678.625
- Trung tâm điều hành Satrafoods	678.368.027	621.487.228
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	257.256.743	305.477.984
- Trung tâm quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	148.881.352	112.596.598
- Siêu thị Satra Sài Gòn	89.191.920	107.728.391
- Trung tâm Satra Phạm Hùng	59.254.990	47.215.638
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	30.668.875	25.080.588
- Thương xá Tax	1.600.670	21.737.388
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3	164.415.320	109.335.394
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	8.129.700	-
	<u>36.715.311.012</u>	<u>21.596.833.412</u>

(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Nguyễn Phúc Khoa	824.187.300	487.456.700
Ông Nguyễn Ngọc An	127.920.000	144.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	127.920.000	121.658.000
Ông Trương Vĩnh Tùng	58.867.000	56.923.000
Ông Trương Hồng Phong	58.769.200	-
<b>Tổng Giám đốc</b>	842.680.000	947.000.000
<b>Người quản lý khác</b>	<u>4.668.058.156</u>	<u>5.276.352.044</u>



34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

2022  
VND

2021  
VND

(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Trung tâm điều hành Satrafoods	18.386.105.191	13.362.055.503
- Trung tâm Satra Phạm Hùng	897.078.030	280.899.776
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	397.528.113	183.980.319
- Siêu thị Satra Sài Gòn	377.212.605	221.641.482
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	218.199.725	221.292.676
- Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	32.521.567	15.449.720
- Thương xá Tax	1.526.672	-
	<u>20.310.171.903</u>	<u>14.285.319.476</u>

(ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng (*)	62.165.369.120	62.165.369.120
- Khác	-	1.018.276.863
	<u>62.165.369.120</u>	<u>63.183.645.983</u>

(\*) Số dư thể hiện khoản tiền thuê đất chênh lệch của cơ quan thuế giữa số tạm tính và số chính thức trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này là cao.

(iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Kho lạnh Satra	12.780.695.941	11.275.493.568
- Trung tâm điều hành Satrafoods	41.250.000	-
- Trung tâm phân phối	31.000.000	-
- Siêu thị Satra Sài Gòn	15.679.300	-
- Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	6.193.827	9.369.924
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	-	36.111.250
	<u>12.874.819.068</u>	<u>11.320.974.742</u>

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

2022  
VND

2021  
VND

(iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng	99.014.694	99.014.694
- Khác	-	408.826.807
	<u>99.014.694</u>	<u>507.841.501</u>

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	11.320.025.856	12.903.959.379
Từ 1 đến 5 năm	14.250.493.822	16.977.789.164
Trên 5 năm	5.967.236.357	3.964.812.412
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>31.537.756.035</u>	<u>33.846.560.955</u>

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ, dự án tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	2022 VND	2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.553.493.245.700	1.553.493.245.700
Đã duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	18.758.387.585	18.720.687.585
	<u>1.572.251.633.285</u>	<u>1.572.213.933.285</u>

Cam kết vốn cho dự án đã được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng chủ yếu liên quan tới dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan.

37 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Theo Thông báo Kết quả kiểm toán số 1715/TB-KV IV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám Đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chi tiết như sau:

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Mã số	TÀI SẢN	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.804.960.157.931</b>	<b>833.460.158</b>	<b>1.805.793.618.089</b>
130	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>246.310.974.510</b>	<b>451.006.599</b>	<b>246.761.981.109</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	167.500.647.338	325.669.599	167.826.316.937
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.385.322.112)	125.337.000	(1.259.985.112)
140	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>624.783.242.010</b>	<b>382.453.559</b>	<b>625.165.695.569</b>
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(963.848.459)	382.453.559	(581.394.900)
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.287.686.823.081</b>	<b>833.460.158</b>	<b>2.288.520.283.239</b>
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.072.642.864.849</b>	<b>(131.377.556)</b>	<b>1.072.511.487.293</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.025.338.731.363</b>	<b>(131.377.556)</b>	<b>1.025.207.353.807</b>
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.733.597.772	299.116.425	18.032.714.197
319	Phải trả ngắn hạn khác	20.790.784.394	(430.493.981)	20.360.290.413
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.215.043.958.232</b>	<b>964.837.714</b>	<b>1.216.008.795.946</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.215.043.958.232</b>	<b>964.837.714</b>	<b>1.216.008.795.946</b>
421	LNST chưa phân phối	285.857.377.623	964.837.714	286.822.215.337
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	148.046.589.199	964.837.714	149.011.426.913
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.287.686.823.081</b>	<b>833.460.158</b>	<b>2.288.520.283.239</b>

37 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Mã số		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
01	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.315.550.757.547</b>	<b>325.669.599</b>	<b>4.315.876.427.146</b>
10	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.292.765.574.719</b>	<b>325.669.599</b>	<b>4.293.091.244.318</b>
11	<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(3.297.004.282.384)</b>	<b>382.453.559</b>	<b>(3.296.621.828.825)</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>995.761.292.335</b>	<b>708.123.158</b>	<b>996.469.415.493</b>
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(200.880.943.219)	125.337.000	(200.755.606.219)
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>180.984.610.819</b>	<b>833.460.158</b>	<b>181.818.070.977</b>
31	Thu nhập khác	5.133.149.332	430.493.981	5.563.643.313
40	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>4.957.917.423</b>	<b>430.493.981</b>	<b>5.388.411.404</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>185.942.528.242</b>	<b>1.263.954.139</b>	<b>187.206.482.381</b>
51	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(43.766.676.908)</b>	<b>(299.116.425)</b>	<b>(44.065.793.333)</b>
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>148.046.589.199</b>	<b>964.837.714</b>	<b>149.011.426.913</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

38 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 3 tháng 1 năm 2023, Tòa án Nhân dân Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội ("Tòa án") đã thụ lý các hồ sơ về vụ kiện liên quan đến vụ hỏa hoạn tại một kho trung chuyển hàng hóa của Chi nhánh Công ty thuê tại Hà Nội mà Công ty là bị đơn. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, kết quả cuối cùng của vụ kiện này vẫn chưa được quyết định và sẽ tùy thuộc theo phán quyết của Tòa án.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2023.



Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập



Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc An  
Tổng Giám đốc



BẢO CÁO | 2022  
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2023  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc An

# CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN



Sức Sống Mỗi Ngày

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN



420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



[www.vissan.com.vn](http://www.vissan.com.vn)



(028) 3553 3999 - 3553 3888



(028) 3553 3939